

KẾT QUẢ XÉT CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH KHÓA 51 ĐHCQ - ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2623/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 5 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
1	ĐẶNG NGUYỄN NHƯ AN	16/10/2007	Nữ	31251024768	IELTS	6.5	05/12/2024	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
2	HỒ NGỌC BẢO UYÊN	13/07/2007	Nữ	31251026834	IELTS	6.5	30/11/2024	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
3	HUỲNH VÕ TRÍ TÀI	25/05/2007	Nam	31251021110	IELTS	5	28/03/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
4	LÂM MÃN THÚY	22/10/2007	Nữ	31251021896	IELTS	6	28/12/2024	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
5	LÊ ĐĂNG THUY TRÂM	08/10/2007	Nữ	31251021470	IELTS	6.5	08/02/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
6	LÊ TUẤN KIẾT	16/12/2007	Nam	31251026200	IELTS	5	19/10/2024	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
7	NGUYỄN ANH NGỌC	05/11/2007	Nữ	31251027853	IELTS	6.5	22/02/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
8	NGUYỄN MINH NHẬT	05/12/2007	Nam	31251022352	IELTS	6	20/06/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
9	NGUYỄN NGỌC XUÂN HIẾU	18/02/2007	Nữ	31251020228	IELTS	5.5	10/07/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
10	NGUYỄN PHẠM TẤN TRƯỜNG	18/03/2007	Nam	31251027393	IELTS	5	14/12/2024	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
11	NGUYỄN PHÚ AN	26/04/2007	Nam	31251023507	IELTS	7	08/06/2024	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
12	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO LINH	15/07/2007	Nữ	31251026832	IELTS	5	29/03/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
13	PHẠM ĐẠI VIỆT	18/06/2007	Nam	31251023379	IELTS	5.5	22/06/2024	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
14	PHẠM GIA PHONG	25/07/2007	Nam	31251025975	IELTS	7	11/01/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
15	VÕ HOÀNG KHẢI QUÂN	23/06/2007	Nam	31251024821	IELTS	7.5	08/02/2025	7480202	An toàn thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
16	CHÂU NGUYỄN HƯNG	29/04/2007	Nam	31251027692	IELTS	6.5	22/06/2024	7340204	Bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
17	ĐÀO KHÁNH HÂN	05/12/2007	Nữ	31251021423	IELTS	5.5	17/08/2024	7340204	Bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
18	ĐỖ NGỌC LINH	25/08/2007	Nữ	31251022040	IELTS	6	12/04/2025	7340204	Bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
19	LÊ QUANG HÒA	20/03/2007	Nam	31251021589	IELTS	5.5	05/10/2024	7340204	Bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
20	NGUYỄN ĐẶNG QUỐC KHANH	19/07/2007	Nam	31251026971	IELTS	6.5	08/08/2024	7340204	Bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
21	NGUYỄN KHẮC BẢO	12/05/2007	Nam	31251021844	IELTS	5	20/07/2025	7340204	Bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
22	CAO SA KỲ	11/12/2007	Nữ	31251021772	IELTS	6	31/05/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
23	CHU PHẠM HIẾU THỊNH	07/12/2007	Nam	31251020987	IELTS	6.5	23/07/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
24	ĐỖ TRƯỜNG PHÁT	29/07/2007	Nam	31251028255	IELTS	5	14/12/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
25	HOÀNG TẤN ĐẠT	02/10/2007	Nam	31251020476	IELTS	7	19/10/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
26	NGÔ GIA BẢO	26/09/2007	Nam	31251023416	IELTS	5	30/11/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
27	NGUYỄN LÂM GIA HÂN	16/12/2007	Nữ	31251020181	IELTS	5.5	21/07/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
28	NGUYỄN LÊ MINH THÙY	14/10/2007	Nữ	31251025398	IELTS	6	03/08/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
29	NGUYỄN LINH GIANG	18/10/2007	Nữ	31251020180	IELTS	5.5	18/01/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
30	NGUYỄN PHẠM THẢO NGUYỄN	29/01/2007	Nữ	31251025993	IELTS	5	12/04/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
31	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	03/04/2007	Nữ	31251028203	IELTS	7.5	26/10/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
32	PHẠM ANH TRÚC	13/04/2007	Nữ	31251020262	IELTS	5	19/07/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
33	PHẠM ĐĂNG	25/09/2007	Nam	31251020477	IELTS	6	16/11/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
34	PHAN VÕ NHƯ QUỲNH	25/09/2007	Nữ	31251027534	IELTS	5.5	02/03/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
35	TRẦN BẢO TRẦN	21/04/2007	Nữ	31251027815	IELTS	5	31/05/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
36	TRẦN HỒ NHƯ KIM	28/01/2007	Nữ	31251021545	IELTS	5.5	11/07/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
37	TRẦN QUỲNH TRANG	04/12/2007	Nữ	31251024387	IELTS	6	28/09/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
38	VÕ THANH ĐẠT	23/05/2006	Nam	31251025189	IELTS	6.5	23/09/2023	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
39	VÕ TRẦN GIA BẢO	17/06/2007	Nam	31251024386	IELTS	6	30/11/2024	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
40	VŨ XUÂN NHI	21/03/2007	Nữ	31251028187	IELTS	6.5	21/07/2025	7340116	Bất động sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
41	ĐẶNG NGỌC YẾN NHI	23/09/2007	Nữ	31251022361	IELTS	6	09/05/2024	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
42	DƯƠNG HOÀNG BẢO TÍN	20/08/2007	Nam	31251025755	IELTS	6	20/04/2025	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
43	DƯƠNG KHÁNH NGHI	23/03/2007	Nữ	31251023042	IELTS	5	29/11/2024	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
44	HOÀNG NỮ ANH THƯ	15/04/2007	Nữ	31251027811	IELTS	6	08/02/2025	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
45	LÊ MINH HUY	29/12/2006	Nam	31251027190	IELTS	6	22/02/2025	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
46	MAHAMONGKOL THÁI THỊNH	27/08/2007	Nam	31251021658	IELTS	7	07/06/2025	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
47	NGÔ QUỲNH ANH	21/01/2007	Nữ	31251024876	IELTS	5	26/10/2024	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
48	NGUYỄN DUY VŨ	06/11/2007	Nam	31251026767	IELTS	7.5	24/08/2024	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
49	NGUYỄN MINH HOÀNG	01/01/2007	Nam	31251023514	IELTS	8	21/12/2024	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
50	PHẠM HỒ QUẾ PHƯƠNG	05/03/2007	Nữ	31251021113	IELTS	6	26/04/2025	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
51	PHẠM MINH NHẬT	07/05/2007	Nam	31251026174	IELTS	7.5	16/11/2024	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
52	TRẦN NHẬT NAM	29/04/2007	Nam	31251022360	IELTS	6	11/01/2025	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
53	VŨ THANH THẢO	11/04/2007	Nữ	31251021311	IELTS	6	23/02/2025	7510605_02	Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
54	CAO DẠ THẢO LINH	18/06/2007	Nữ	31251027532	IELTS	7.5	29/08/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
55	ĐẶNG GIA QUYÊN	29/05/2007	Nữ	31251027950	IELTS	7	14/12/2023	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
56	HUỲNH NGUYỄN THÙY LY	10/02/2007	Nữ	31251027113	IELTS	7	07/12/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
57	LÊ NGỌC LINH CHI	24/10/2007	Nữ	31251023413	IELTS	6	30/11/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
58	MAI CHÍ BẢO	15/07/2007	Nam	31251024385	IELTS	8	07/09/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
59	NGÔ TRÍ HOÀNG VIỆT	14/12/2007	Nam	31251023168	IELTS	7.5	17/02/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
60	NGUYỄN ÁNH MINH	08/10/2007	Nữ	31251025526	IELTS	7	16/10/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
61	NGUYỄN KHÁNH NGUYỄN	19/08/2007	Nữ	31251027424	IELTS	7.5	08/12/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
62	NGUYỄN KIỀU THIÊN ÂN	01/05/2007	Nữ	31251026352	IELTS	6.5	26/10/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
63	NGUYỄN NGỌC BÍCH NHÌ	14/03/2007	Nữ	31251025397	IELTS	7	22/02/2025	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
64	NGUYỄN NHƯ HÀ NGÂN	05/09/2007	Nữ	31251027935	IELTS	6.5	07/12/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
65	NGUYỄN TÔN TIỂU DIỆP	12/05/2007	Nữ	31251025296	IELTS	7	21/12/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
66	NGUYỄN TRÍ PHÚ	16/01/2007	Nam	31251026945	IELTS	6	13/01/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
67	PHAN HUỲNH ĐĂNG KHOA	18/04/2007	Nam	31251024163	IELTS	8	07/09/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
68	PHAN NHẬT MINH	17/01/2007	Nam	31251023329	IELTS	5.5	15/06/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
69	TRẦN KIM HOÀNG	28/04/2007	Nữ	31251025103	IELTS	6	14/06/2025	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
70	TRINH THÚY QUỲNH	17/08/2007	Nữ	31251025889	IELTS	7.5	30/11/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
71	TRƯƠNG TẤN PHƯỚC	06/02/2007	Nam	31251020985	IELTS	7	10/11/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
72	VĂN TRẦN CÔNG TRÍ	08/10/2007	Nam	31251026713	IELTS	5.5	14/12/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
73	VÕ ĐĂNG HỒNG VIỆT	31/01/2007	Nam	31251027494	IELTS	6.5	08/12/2024	7340115_02	Công nghệ Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
74	CÙ CẨM TÚ	22/08/2006	Nữ	31251028041	IELTS	6.5	23/03/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
75	ĐẶNG TÂM NHẬT TẢO	14/08/2007	Nam	31251027728	IELTS	7	08/03/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
76	DƯƠNG TẤN SANG	21/12/2007	Nam	31251020529	IELTS	7	21/08/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
77	HỒ ĐẶNG MỸ DUYÊN	21/01/2007	Nữ	31251026692	IELTS	5	22/02/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
78	HOÀNG THANH NHÂN	16/01/2007	Nữ	31251027851	IELTS	6.5	26/10/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
79	HUỲNH PHƯƠNG VY	22/08/2007	Nữ	31251024845	IELTS	6.5	11/01/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
80	LÊ NGUYỄN HOÀI ANH	09/04/2007	Nữ	31251028137	IELTS	6.5	08/08/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
81	LÊ THỊ THU THƯƠNG	08/11/2007	Nữ	31251024106	IELTS	6.5	08/03/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
82	LỤC TRIỆU VY	05/03/2007	Nữ	31251028378	IELTS	6	26/05/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
83	LƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG NHÌ	08/10/2007	Nữ	31251020632	IELTS	6.5	20/04/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
84	NGUYỄN PHAM THANH THẢO	23/04/2007	Nữ	31251021307	IELTS	6.5	27/12/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
85	NGUYỄN PHÚ THANH TRÚC	14/07/2007	Nữ	31251021894	IELTS	6	17/08/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
86	NGUYỄN THANH TÂM	02/10/2007	Nữ	31251022347	IELTS	6.5	16/11/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
87	PHẠM PHÚ TRỌNG	25/11/2007	Nam	31251021467	IELTS	7	28/04/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
88	PHAN ĐĂNG HỒNG PHÚC	26/03/2007	Nữ	31251023873	IELTS	8.5	20/07/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
89	PHAN HUY HOÀNG	22/07/2006	Nam	31251026799	IELTS	6.5	07/03/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
90	TRẦN DƯƠNG HƯƠNG THẢO	14/02/2007	Nữ	31251022348	IELTS	6	13/05/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
91	TRẦN NGỌC KHẢ UYÊN	08/04/2007	Nữ	31251027392	IELTS	6.5	19/07/2025	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
92	TRẦN NGỌC MINH	21/03/2007	Nữ	31251024820	IELTS	7	26/10/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
93	TRẦN NGUYỄN ANH ĐÀO	06/02/2007	Nữ	31251026265	IELTS	7.5	14/12/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
94	TRẦN THIÊN ÂN	15/05/2007	Nam	31251025923	IELTS	7	19/10/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
95	VŨ HOÀNG LÂM NHƯ	20/12/2007	Nữ	31251020283	IELTS	7	17/08/2024	7480201_02	Công nghệ nghệ thuật	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
96	ĐẶNG LÊ KHÁNH QUỲNH	14/04/2007	Nữ	31251021044	IELTS	7	19/10/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
97	ĐỖ MAI THẢO	26/07/2006	Nữ	31251025062	IELTS	6	18/07/2025	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
98	LÊ PHƯƠNG LINH	31/01/2007	Nữ	31251024744	IELTS	6	27/07/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
99	NGÔ NGUYỄN BẢO NGỌC	15/09/2007	Nữ	31251023596	IELTS	7	08/03/2025	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
100	NGÔ QUỐC ĐĂNG	16/10/2007	Nam	31251025533	IELTS	7	05/06/2025	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
101	NGUYỄN ANH KHOA	14/03/2007	Nam	31251024442	IELTS	6.5	06/04/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
102	NGUYỄN ĐỨC MINH CHÂU	16/11/2007	Nữ	31251026241	IELTS	6	19/10/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
103	NGUYỄN HOÀNG NGỌC LINH	14/09/2007	Nữ	31251022291	IELTS	6.5	28/08/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
104	NGUYỄN KHÁNH LINH	18/06/2007	Nữ	31251023455	IELTS	6.5	16/12/2023	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
105	NGUYỄN PHÚC SANG	05/04/2007	Nam	31251023026	IELTS	6.5	24/08/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
106	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	08/11/2007	Nam	31251027295	IELTS	7	29/10/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
107	NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	19/11/2007	Nam	31251027611	IELTS	7	29/12/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
108	PHẠM KHÁNH TRANG	05/05/2007	Nữ	31251028107	IELTS	7	05/10/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
109	TRẦN ĐỨC TIN	01/01/2005	Nam	31251027971	IELTS	6	09/08/2025	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
110	TRẦN ĐỨC TOÀN	07/01/2007	Nam	31251021245	IELTS	6.5	18/01/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
111	VÕ HẢI YẾN	01/10/2007	Nữ	31251024943	IELTS	5.5	28/12/2024	7340205	Công nghệ tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
112	ĐOÀN TẤN DŨNG	03/03/2007	Nam	31251020910	IELTS	5.5	03/08/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
113	HÀ ĐỨC MINH	05/07/2007	Nam	31251028252	IELTS	6	26/10/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
114	HUYỀN NGỌC GIA HÂN	29/10/2007	Nữ	31251020417	IELTS	7	07/03/2025	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
115	HUYỀN QUANG NGỌC	22/08/2007	Nam	31251022852	IELTS	6.5	30/07/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
116	KIM NGỌC HẢI HUY	18/07/2007	Nam	31251021101	IELTS	6	20/10/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
117	LÊ THÀNH NHÂN	23/02/2007	Nam	31251021102	IELTS	6.5	01/09/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
118	NGUYỄN BÌNH MINH	26/11/2007	Nam	31251028225	IELTS	6	13/02/2025	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
119	NGUYỄN GIA PHÚ	31/12/2007	Nam	31251021302	IELTS	7.5	06/07/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
120	NGUYỄN HOÀI AN	04/05/2007	Nữ	31251021301	IELTS	6	10/11/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
121	NGUYỄN LÊ MINH NGHĨA	12/12/2007	Nam	31251026988	IELTS	7.5	22/03/2025	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
122	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	04/04/2007	Nữ	31251023646	IELTS	6	22/06/2024	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
123	TRẦN THỊ YẾN NHI	26/01/2007	Nữ	31251027366	IELTS	5	15/03/2025	7480201_01	Công nghệ thông tin	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
124	ĐINH NGUYỄN TUẤN TÚ	23/03/2007	Nam	31251024502	IELTS	6.5	22/02/2025	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
125	ĐỖ ĐÌNH DẠ ĐAN	27/08/2007	Nữ	31251021654	IELTS	7	05/10/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
126	ĐỖ NGỌC TƯỜNG VY	04/09/2007	Nữ	31251023041	IELTS	6.5	24/02/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
127	ĐOÀN QUỐC HUY	26/09/2007	Nam	31251024499	IELTS	7	06/04/2025	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
128	NGÔ NGỌC ĐỨC HÒA	15/11/2007	Nam	31251024498	IELTS	6	28/12/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
129	NGUYỄN HẢI YẾN	22/12/2007	Nữ	31251021108	IELTS	6.5	18/08/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
130	NGUYỄN NGỌC HUY	19/10/2007	Nam	31251024561	IELTS	5	29/09/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
131	NGUYỄN VIỆT THU HÀ	27/11/2007	Nữ	31251026764	IELTS	6	03/05/2025	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
132	PHẠM NHẬT QUỲNH	09/09/2007	Nữ	31251026267	PTE	60	21/07/2025	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
133	PHAN PHÙNG BẢO UYÊN	03/10/2007	Nữ	31251026425	IELTS	6.5	08/06/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
134	TRƯƠNG ĐOÀN KHÁNH NGÂN	30/10/2007	Nữ	31251021754	IELTS	6	18/07/2025	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
135	TỬ MINH TRIẾT	01/01/2007	Nam	31251026766	IELTS	6.5	16/11/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
136	VŨ LÂM	13/03/2007	Nam	31251023505	IELTS	6	03/08/2024	7480201_03	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
137	ĐẶNG NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	06/01/2007	Nữ	31251028018	IELTS	6	07/12/2024	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
138	LÊ THỊ KHÁNH VY	13/04/2007	Nữ	31251028019	IELTS	6	08/03/2025	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
139	LÊ TRƯƠNG UYÊN NHI	30/12/2007	Nữ	31251024435	IELTS	5.5	17/05/2025	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
140	LÊ UYÊN NHI	20/02/2007	Nữ	31251024809	IELTS	7.5	23/02/2025	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
141	NGUYỄN MINH ĐỨC	04/08/2007	Nam	31251021583	IELTS	6	19/01/2025	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
142	NGUYỄN PHẠM KHÁNH NHƯ	18/10/2007	Nữ	31251021729	IELTS	6.5	18/04/2025	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
143	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	25/07/2007	Nữ	31251025451	IELTS	5	14/12/2024	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
144	NGUYỄN TUẤN HÙNG	31/08/2007	Nam	31251024641	IELTS	7.5	02/10/2024	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
145	PHẠM THỊ NHƯ TRẦM	16/06/2007	Nữ	31251026562	IELTS	6	10/06/2025	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
146	TRẦN HỒ AN	01/02/2007	Nam	31251026240	IELTS	6	12/07/2025	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
147	TRẦN LÊ TẤN PHÁT	14/01/2007	Nam	31251022488	IELTS	6	24/08/2024	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
148	TRỊNH HẢI BĂNG	02/02/2006	Nam	31251024323	IELTS	5	18/04/2024	7340201_06	Đầu tư tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
149	NGUYỄN NHẬT ANH	04/03/2007	Nam	31251021298	IELTS	6.5	29/12/2024	7480107_02	Điều khiển thông minh và tự động hóa (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
150	PHAN NGUYỄN HẠ MY	01/04/2007	Nữ	31251027667	IELTS	6	15/03/2025	7480107_02	Điều khiển thông minh và tự động hóa (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
151	VÕ DUY KHANG	12/09/2007	Nam	31251020631	IELTS	6	10/08/2024	7480107_02	Điều khiển thông minh và tự động hóa (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
152	BÙI KIM NGÂN	30/01/2007	Nữ	31251025017	IELTS	7.5	14/12/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
153	CAO NGỌC ANH	18/07/2007	Nữ	31251022326	IELTS	6	13/04/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
154	ĐẶNG MINH NGỌC	22/09/2007	Nữ	31251027549	IELTS	6	28/09/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
155	ĐÀO NGUYỄN HẢI MY	30/04/2007	Nữ	31251021632	IELTS	6.5	30/11/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
156	DIỆP MINH VY	04/11/2007	Nữ	31251025753	IELTS	5	22/07/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
157	ĐỖ LÊ MỸ TRẦN	29/01/2007	Nữ	31251021279	IELTS	7	08/03/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
158	ĐOÀN NGỌC LINH	03/03/2007	Nữ	31251025326	IELTS	6	23/02/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
159	HỒ THỊ NHƯ TRÀ	07/04/2007	Nữ	31251027492	IELTS	6.5	19/01/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
160	HỒ XUÂN THANH	18/09/2007	Nữ	31251024817	IELTS	7	31/12/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
161	HUỖNH ĐẶNG ANH TUẤN	14/12/2007	Nam	31251020220	IELTS	6.5	02/03/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
162	HUỖNH VÕ ANH THƯ	07/10/2007	Nữ	31251022993	IELTS	5	24/08/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
163	LÂM NGỌC ÁNH MINH	22/08/2007	Nữ	31251022976	IELTS	5.5	12/07/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
164	LÊ THỊ THÙY TRANG	22/03/2007	Nữ	31251025177	IELTS	8	24/07/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
165	LƯU THỊ DẠ THẢO	31/03/2007	Nữ	31251028056	IELTS	6	22/02/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
166	NGUYỄN BÙI HẢI ANH	25/11/2007	Nam	31251021083	IELTS	7	07/12/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
167	NGUYỄN ĐẶNG HẢI VY	23/05/2007	Nữ	31251023788	IELTS	7	05/04/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
168	NGUYỄN ĐÀO NHƯ HUỖNH	02/05/2007	Nữ	31251020804	IELTS	6	31/08/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
169	NGUYỄN ĐOÀN CẨM VY	03/07/2007	Nữ	31251025844	IELTS	5	08/03/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
170	NGUYỄN HÀ HẢI YẾN	22/01/2007	Nữ	31251021878	IELTS	6.5	05/12/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
171	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	02/01/2007	Nữ	31251028233	IELTS	7	01/06/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
172	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	14/04/2006	Nữ	31251024645	IELTS	6.5	04/02/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
173	NGUYỄN NGỌC THÚY HẰNG	19/08/2007	Nữ	31251027271	IELTS	7.5	24/12/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
174	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	23/09/2007	Nam	31251024249	IELTS	5.5	17/01/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
175	NGUYỄN THANH HÀ	23/03/2007	Nữ	31251024482	IELTS	6	19/04/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
176	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	10/01/2007	Nữ	31251025485	IELTS	5.5	19/10/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
177	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	27/02/2007	Nữ	31251027584	IELTS	6	12/01/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
178	NGUYỄN THỊ LAN ANH	29/03/2007	Nữ	31251028158	IELTS	6.5	19/10/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
179	NGUYỄN THỊ MỸ HUỖNH	18/11/2007	Nữ	31251023573	IELTS	6	24/08/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
180	PHẠM MINH BẢO	29/03/2007	Nam	31251021451	IELTS	7	25/11/2023	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
181	PHẠM THỊ MAI THY	08/05/2007	Nữ	31251023976	IELTS	5.5	24/08/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
182	TRẦN NGỌC BẢO NGÂN	23/08/2007	Nữ	31251027178	IELTS	7	05/12/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
183	TRẦN NGUYỄN NHẬT AN	18/03/2007	Nữ	31251021876	IELTS	6.5	05/10/2024	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
184	VÕ NGỌC KHÁNH LY	27/03/2007	Nữ	31251021631	IELTS	6	22/02/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
185	VÕ TRẦN TRÍ BẢO	20/01/2007	Nam	31251020622	IELTS	6	22/03/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
186	VŨ BAN MAI	30/01/2007	Nữ	31251020902	IELTS	6	23/07/2025	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
187	NGÔ LÊ NGỌC LAN	18/06/2007	Nữ	31251020097	IELTS	6.5	08/04/2025	7340301_02	Kế toán công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
188	NGUYỄN HÙNG HƯNG	04/11/2007	Nam	31251022921	IELTS	6.5	11/05/2025	7340301_02	Kế toán công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
189	NGUYỄN KHÁNH QUỲNH	29/04/2007	Nữ	31251023972	IELTS	5.5	25/05/2025	7340301_02	Kế toán công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
190	PHẠM ĐẶNG VÂN ANH	24/08/2007	Nữ	31251021435	IELTS	6.5	08/03/2025	7340301_02	Kế toán công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
191	PHAN LÊ KIỀU KHANH	12/10/2007	Nữ	31251022738	IELTS	5.5	08/03/2025	7340301_02	Kế toán công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
192	BÙI NGỌC GIA BẢO	22/11/2007	Nữ	31251023373	IELTS	5.5	22/06/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
193	BÙI TIẾN VĨ	25/10/2006	Nam	31251023842	IELTS	6	31/08/2023	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
194	CHÂU THỊ MINH THƯ	02/01/2007	Nữ	31251023206	IELTS	6	30/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
195	CHIỆM VĨ KIẾT	18/07/2007	Nam	31251023298	IELTS	5.5	11/01/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
196	ĐẶNG NGỌC LINH	09/10/2007	Nữ	31251021056	IELTS	6.5	24/08/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
197	ĐẶNG THỊ TUYẾT GIÀU	08/11/2007	Nữ	31251023837	IELTS	6	08/03/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
198	ĐẶNG THÙY VÂN	05/06/2007	Nữ	31251022528	IELTS	5	29/03/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
199	ĐỖ LÊ VIỆT CƯỜNG	17/12/2007	Nam	31251021048	IELTS	6.5	26/10/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
200	ĐỖ NGỌC KHANH	10/11/2007	Nữ	31251021606	IELTS	6.5	15/02/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
201	HỒ MÃN THY	15/03/2007	Nữ	31251024467	IELTS	6	15/03/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
202	KIỀU HỒ PHƯƠNG NHI	17/07/2007	Nữ	31251020094	IELTS	5.5	20/07/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
203	LÂM CHẤN TÚ	13/04/2007	Nữ	31251023638	IELTS	6	12/07/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
204	LÊ ĐĂNG GIA HÀO	30/04/2007	Nam	31251020272	IELTS	6	23/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
205	LÊ TƯỜNG VÂN	17/10/2007	Nữ	31251024470	IELTS	6.5	28/09/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
206	LƯU MỸ HUYỀN	02/12/2007	Nữ	31251024174	IELTS	6	08/02/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
207	MAI QUỲNH NHƯ	19/11/2007	Nữ	31251024462	IELTS	6.5	24/05/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
208	NGÔ CAO PHƯƠNG LINH	01/05/2007	Nữ	31251027840	IELTS	5.5	14/12/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
209	NGUYỄN CÁT BẢO TRINH	06/06/2007	Nữ	31251027023	IELTS	5.5	26/10/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
210	NGUYỄN HOÀNG QUỐC ANH	30/11/2007	Nam	31251020891	IELTS	7	20/07/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
211	NGUYỄN KIM TRẦN	07/10/2007	Nữ	31251023611	IELTS	6.5	14/12/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
212	NGUYỄN LAN ANH	29/07/2007	Nữ	31251026741	IELTS	5	11/01/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
213	NGUYỄN LÊ THANH MAI	01/10/2007	Nữ	31251021058	PTE	61	23/07/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
214	NGUYỄN MINH HUỆ	28/06/2007	Nữ	31251024455	IELTS	6	24/08/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
215	NGUYỄN MINH NHƯ	11/04/2007	Nữ	31251023465	IELTS	6	30/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
216	NGUYỄN NGỌC DIỄM	30/01/2007	Nữ	31251021049	IELTS	5.5	23/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
217	NGUYỄN NGỌC HẢI ĐĂNG	06/07/2007	Nam	31251025749	IELTS	6.5	22/03/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
218	NGUYỄN NGỌC MAI TRÂM	25/11/2007	Nữ	31251022689	IELTS	6	08/03/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
219	NGUYỄN PHÚ NHƯ Ý	09/10/2007	Nữ	31251024471	IELTS	6.5	16/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
220	NGUYỄN THANH THẢO	05/08/2007	Nữ	31251021611	IELTS	6	06/12/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
221	NGUYỄN THANH THUỶ QUỲNH	24/05/2007	Nữ	31251021609	IELTS	6.5	24/05/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
222	NGUYỄN THỊ TỔ NHỊ	27/08/2007	Nữ	31251024460	IELTS	7	15/03/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
223	PHẠM KHÁNH LINH	20/09/2007	Nữ	31251028258	IELTS	6	14/12/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
224	PHẠM NGUYỄN BẢO TRINH	06/07/2007	Nữ	31251020518	IELTS	5.5	05/04/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
225	PHẠM THỊ THÙY DUNG	17/01/2007	Nữ	31251023458	IELTS	6	14/09/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
226	PHAN THỊ THU BÍCH	08/04/2007	Nữ	31251026742	IELTS	7	28/09/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
227	PHÍ THỊ THU THỦY	11/10/2007	Nữ	31251021431	IELTS	5	18/05/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
228	SÚ THẾ KHANH	03/05/2007	Nữ	31251020797	IELTS	6	03/04/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
229	TỔNG ĐỨC SANG TRỌNG	23/12/2007	Nam	31251023841	IELTS	6	08/03/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
230	TRẦN BẢO NGỌC	15/10/2007	Nữ	31251027921	IELTS	5.5	24/02/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
231	TRẦN MAI YẾN NHI	14/02/2007	Nữ	31251023463	IELTS	6	07/12/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
232	TRẦN NGỌC THIÊN NGÂN	26/10/2007	Nữ	31251020616	IELTS	6	13/06/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
233	TRẦN NGUYỄN THANH THƯƠNG	09/03/2007	Nữ	31251021613	IELTS	6	23/08/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
234	TRẦN NGUYỄN THIÊN KIM	09/03/2007	Nữ	31251020212	IELTS	6.5	24/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
235	TRẦN THỊ HỒNG ANH	17/02/2007	Nữ	31251021736	IELTS	6.5	08/02/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
236	TRẦN TRỌNG DŨNG	05/09/2007	Nam	31251020211	IELTS	6	25/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
237	TRƯƠNG BẢO ANH	16/10/2007	Nữ	31251024642	IELTS	5.5	17/11/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
238	TRƯƠNG NGỌC BẢO TRẦN	29/11/2007	Nữ	31251022920	IELTS	5	20/02/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
239	TRƯƠNG NGỌC MINH THÙY	28/08/2007	Nữ	31251023679	IELTS	6	28/09/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
240	TRƯƠNG THỊ NGỌC HẸN	13/12/2007	Nữ	31251024119	IELTS	5.5	26/10/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
241	VÕ NGUYỄN MỸ UYÊN	02/06/2007	Nữ	31251023468	IELTS	6	22/02/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
242	VÕ SONG AN	10/05/2007	Nữ	31251022302	IELTS	5.5	06/07/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
243	VŨ KHÁNH HUYỀN	28/11/2007	Nữ	31251020613	IELTS	5	12/04/2025	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
244	VŨ NGỌC LAN	18/11/2007	Nữ	31251023233	IELTS	5.5	08/08/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
245	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	29/03/2007	Nữ	31251021252	IELTS	5	18/05/2024	7340301_01	Kế toán doanh nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
246	ĐỖ DƯƠNG KHÁNH NGÂN	27/02/2007	Nữ	31251022335	IELTS	7	04/02/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
247	ĐỖ TRẦN THÙY ANH	05/11/2007	Nữ	31251025330	IELTS	6.5	14/12/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
248	ĐOÀN DUY HƯNG	22/12/2007	Nam	31251027956	IELTS	8	08/08/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
249	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG HUYỀN	26/09/2007	Nữ	31251027588	IELTS	6	22/02/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
250	HỒ MINH HƯNG	09/06/2007	Nam	31251027550	IELTS	6	13/02/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
251	HOÀNG MINH VŨ	01/10/2007	Nam	31251025920	IELTS	7.5	30/11/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
252	LÊ Ý THIÊN NGÂN	18/07/2007	Nữ	31251020626	IELTS	7	28/04/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
253	LƯU QUANG HÀ	02/10/2007	Nam	31251025266	IELTS	7	08/03/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
254	NGUYỄN CAO KHÁNH CHÂU	30/12/2007	Nữ	31251022461	IELTS	6.5	24/01/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
255	NGUYỄN GIA KHANG	28/07/2007	Nam	31251021882	IELTS	7	28/09/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
256	NGUYỄN HOÀNG ANH THU	15/04/2007	Nữ	31251028304	IELTS	7.5	24/02/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
257	NGUYỄN HOÀNG NAM QUÂN	02/02/2007	Nam	31251021641	IELTS	7	17/11/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
258	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	26/05/2007	Nữ	31251022117	IELTS	6.5	18/01/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
259	NGUYỄN NGỌC KHÁNH NIÊN	28/06/2007	Nữ	31251022336	IELTS	7	29/08/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
260	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NGÂN	14/01/2007	Nữ	31251022429	IELTS	7	07/12/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
261	NGUYỄN QUỐC TRUNG	14/09/2007	Nam	31251028293	IELTS	6.5	20/01/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
262	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	18/09/2007	Nữ	31251023496	IELTS	6.5	13/01/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
263	NGUYỄN THỊNH PHÁT	27/03/2006	Nam	31251024647	IELTS	7	27/04/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
264	NGUYỄN VĂN ĐẠT	21/02/2007	Nam	31251020808	IELTS	7.5	11/07/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
265	NGUYỄN XUÂN PHÚC	21/12/2007	Nam	31251023498	IELTS	8	19/07/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
266	PHẠM LAN ANH	21/05/2007	Nữ	31251027474	IELTS	6.5	27/08/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
267	PHẠM MINH GIA HÂN	06/10/2007	Nữ	31251027183	IELTS	6.5	12/11/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
268	PHẠM NGỌC BẢO TRẦN	19/11/2007	Nữ	31251024488	IELTS	7	09/12/2023	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
269	PHAN ANH KIẾT	25/08/2007	Nam	31251025470	TOEIC	815	22/04/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
270	PHAN MINH ĐAN	23/01/2007	Nam	31251027587	IELTS	7.5	10/12/2023	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
271	PHAN NGUYỄN MINH HIẾU	17/05/2007	Nam	31251027033	IELTS	6.5	14/12/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
272	PHAN TIẾN DŨNG	10/04/2007	Nam	31251027694	IELTS	8	19/08/2023	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
273	TÔN NGUYỄN YẾN MY	06/10/2007	Nữ	31251027184	IELTS	7.5	03/08/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
274	TRẦN ANH MINH	15/12/2007	Nam	31251020527	IELTS	7	14/03/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
275	TRẦN HỮU NHÂN	29/08/2007	Nam	31251027755	IELTS	6.5	20/07/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
276	TRẦN TẤT NGUYỄN	07/03/2007	Nam	31251020719	IELTS	7.5	13/06/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
277	TRẦN THỊ MINH ÁNH	07/04/2007	Nữ	31251026156	IELTS	6.5	14/12/2024	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
278	TRẦN THIÊN PHÚ	06/08/2007	Nam	31251021287	IELTS	6	14/01/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
279	TRẦN VÕ VĂN KHANH	14/04/2007	Nữ	31251022054	IELTS	6	07/06/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
280	TRƯƠNG PHÚC LÂM	28/03/2007	Nam	31251021748	IELTS	7	21/07/2025	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
281	VŨ THANH THẢO	10/01/2007	Nữ	31251021643	IELTS	6	25/11/2023	7460108_01	Khoa học dữ liệu	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
282	ĐINH VINH DANH	12/10/2007	Nam	31251027589	IELTS	6.5	21/12/2024	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
283	LÊ ĐỨC HUY	24/05/2007	Nam	31251024177	IELTS	6.5	05/12/2024	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
284	LÊ MAI THY	27/05/2007	Nữ	31251027697	IELTS	6.5	17/08/2024	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
285	LÊ NGUYỄN MINH KHÔI	30/05/2007	Nam	31251026324	IELTS	6	12/07/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
286	LÊ THIÊN ĐỨC	08/10/2007	Nam	31251022337	IELTS	6.5	24/08/2024	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
287	NGUYỄN AN KHANG	10/10/2007	Nam	31251027441	IELTS	5	15/03/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
288	NGUYỄN HOÀNG DỰ	17/05/2007	Nam	31251026684	IELTS	5.5	17/08/2024	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
289	NGUYỄN HỨA NGỌC THANH	16/07/2007	Nữ	31251022056	IELTS	5.5	24/07/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
290	NGUYỄN MINH NHÂN	06/09/2007	Nam	31251021644	IELTS	6.5	25/01/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
291	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	30/08/2007	Nữ	31251022441	IELTS	6	20/06/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
292	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	24/04/2007	Nữ	31251023307	IELTS	6.5	30/05/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
293	NGUYỄN TIẾN TÀI	12/12/2007	Nam	31251026564	IELTS	6	14/06/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
294	PHẠM QUỲNH NGÂN	11/11/2007	Nữ	31251027645	IELTS	6.5	11/01/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
295	TẠ NGỌC BẢO NGÂN	03/04/2007	Nữ	31251020415	IELTS	6	17/07/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
296	THÁI THỊ NGỌC OANH	31/03/2007	Nữ	31251022937	IELTS	5	29/12/2024	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
297	TRƯƠNG NGỌC ÁNH	24/09/2007	Nữ	31251023343	IELTS	6	23/01/2025	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
298	VÕ HUỲNH TẤN THỊNH	23/11/2007	Nam	31251021291	IELTS	7	23/11/2024	7480101	Khoa học máy tính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
299	CAO THANH HIẾU	14/03/2007	Nam	31251026165	IELTS	6.5	04/06/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
300	ĐẶNG MINH KHUÊ	26/08/2007	Nữ	31251022315	IELTS	7	11/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
301	ĐẶNG THỊ DIỆU CHÂU	10/08/2007	Nữ	31251027844	IELTS	7	30/11/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
302	ĐẶNG THỊ MINH ANH	24/12/2007	Nữ	31251023569	IELTS	6	20/07/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
303	ĐẬU HOÀNG LINH CHI	21/02/2007	Nữ	31251020101	IELTS	6	13/02/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
304	ĐỖ THỊ BẢO TRÂM	22/12/2007	Nữ	31251026420	IELTS	6	21/07/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
305	HỒ PHẠM ANH TRÚC	27/12/2007	Nữ	31251026862	IELTS	6	16/02/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
306	HOÀNG KHÁNH LINH	19/11/2007	Nữ	31251020524	IELTS	6.5	05/10/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
307	HOÀNG NGỌC LY NA	26/06/2007	Nữ	31251025232	IELTS	7	26/10/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
308	HUỲNH MINH QUANG	01/10/2007	Nam	31251020712	IELTS	6.5	30/11/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
309	HUỲNH NHẬT THẢO	06/03/2007	Nữ	31251024995	IELTS	6.5	26/04/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
310	LÊ HOÀNG NHẬT HUYỀN	09/11/2007	Nữ	31251020523	IELTS	6	08/05/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
311	LÊ NGÔ XUÂN NHI	18/08/2007	Nữ	31251027664	IELTS	6	24/01/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
312	LÊ TẤN KHẢI	21/01/2007	Nam	31251022925	IELTS	6.5	17/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
313	LÊ THỊ MỸ TIỀN	12/02/2007	Nữ	31251024248	IELTS	6	22/02/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
314	NGÔ ĐỨC PHÁT	01/12/2007	Nam	31251028181	IELTS	6	07/12/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
315	NGUYỄN ĐOÀN TẤN KHIÊM	26/08/2007	Nam	31251020710	IELTS	6.5	14/09/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
316	NGUYỄN HỮU KHÁNH NGỌC	09/06/2007	Nữ	31251027847	IELTS	5.5	26/10/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
317	NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC	13/08/2007	Nữ	31251023570	IELTS	6	15/07/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
318	NGUYỄN LÊ HƯNG	26/10/2007	Nam	31251021868	IELTS	7	21/07/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
319	NGUYỄN LƯƠNG BẢO QUỲNH	12/01/2007	Nữ	31251026310	IELTS	6.5	22/07/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
320	NGUYỄN MAI ANH	15/01/2007	Nữ	31251025304	IELTS	6	24/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
321	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	01/04/2007	Nữ	31251021073	IELTS	6	21/12/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
322	NGUYỄN NGỌC HẢI ANH	13/12/2007	Nữ	31251025914	IELTS	7	07/12/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
323	NGUYỄN NGỌC HOÀN CHÂU	21/10/2007	Nữ	31251024279	IELTS	5	13/06/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
324	NGUYỄN NGỌC LAN CHI	11/10/2007	Nữ	31251026640	IELTS	6.5	08/02/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
325	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THẢO	27/05/2007	Nữ	31251025838	IELTS	7	18/01/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
326	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	14/11/2007	Nữ	31251022929	IELTS	6	24/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
327	NGUYỄN PHÚC KHANG	29/04/2007	Nam	31251021869	IELTS	7.5	07/09/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
328	NGUYỄN PHÚC NHƯ QUỲNH	23/05/2007	Nữ	31251022930	IELTS	6	17/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
329	NGUYỄN PHƯƠNG VY	24/02/2007	Nữ	31251024280	IELTS	7	14/12/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
330	NGUYỄN THANH TRÀ MY	01/12/2007	Nữ	31251026419	IELTS	6	24/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
331	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	13/09/2007	Nữ	31251021993	IELTS	5.5	08/02/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
332	NGUYỄN TUẤN NGUYỄN	04/05/2007	Nam	31251020104	IELTS	6.5	23/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
333	NGUYỄN TƯỜNG VY	13/07/2007	Nữ	31251025233	IELTS	7.5	14/09/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
334	PHẠM NGUYỄN THẢO NGUYỄN	27/09/2007	Nữ	31251024814	IELTS	8	28/12/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
335	PHẠM NGUYỄN YẾN TRANG	01/01/2007	Nữ	31251023612	IELTS	7	08/02/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
336	PHẠM TRẦN TRÚC MAI	23/10/2007	Nữ	31251021870	IELTS	6	04/05/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
337	PHẠM TUẤN HUY	26/09/2007	Nam	31251024723	IELTS	6.5	30/06/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
338	PHAN NGỌC MINH TRANG	12/06/2007	Nữ	31251022110	IELTS	7	24/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
339	PHAN NHẬT HOÀNG	26/04/2007	Nam	31251023208	IELTS	6	22/06/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
340	THÁI NGỌC KỲ ANH	20/12/2007	Nữ	31251021271	IELTS	7	16/11/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
341	TRẦN GIA LINH	18/09/2007	Nữ	31251023278	IELTS	5.5	22/06/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
342	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	30/12/2007	Nữ	31251023639	IELTS	6	08/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
343	TRƯƠNG MINH KHÔI	05/03/2007	Nam	31251022926	IELTS	6	22/09/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
344	TRƯƠNG MINH TÚ	14/01/2007	Nữ	31251024676	IELTS	8	08/03/2025	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
345	TỪ QUẾ ANH	18/04/2007	Nữ	31251022495	IELTS	5.5	29/09/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
346	VÕ DIỆU THẢO	23/04/2007	Nữ	31251026642	IELTS	6	24/08/2024	7340302	Kiểm toán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
347	BÙI THỊ TRÂM ANH	06/03/2007	Nữ	31251021473	IELTS	6	01/11/2024	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
348	ĐOÀN THỊ THÙY LINH	28/09/2007	Nữ	31251028209	IELTS	6.5	17/08/2024	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
349	HUYỀN KIM PHƯƠNG	30/10/2007	Nữ	31251024822	IELTS	6.5	03/06/2025	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
350	LƯƠNG MINH KHUÊ	27/03/2007	Nữ	31251027368	IELTS	6	20/07/2025	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
351	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	25/06/2007	Nữ	31251027819	IELTS	6.5	08/03/2025	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
352	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	17/02/2007	Nữ	31251023849	IELTS	6	26/10/2024	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
353	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ANH	06/01/2007	Nữ	31251026565	IELTS	6	07/12/2023	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
354	TẠ THUY NHẢ KHANH	05/09/2007	Nữ	31251023095	IELTS	5	24/07/2025	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
355	TRẦN NGỌC YẾN VY	21/02/2005	Nữ	31251021778	IELTS	5.5	03/09/2023	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
356	TRẦN NGUYỄN KHÁNH NGỌC	03/05/2007	Nữ	31251024607	IELTS	5.5	28/12/2024	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
357	TRƯƠNG HOÀNG LINH	07/12/2007	Nam	31251020918	IELTS	7	24/02/2025	7580104	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
358	ĐOÀN NHƯ NGỌC	30/05/2007	Nữ	31251021900	TOEIC	770	09/09/2024	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
359	DƯƠNG PHẠM HẢI YẾN	05/02/2007	Nữ	31251022005	IELTS	6	05/12/2024	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
360	HOÀNG VĂN ANH	13/02/2007	Nữ	31251028335	IELTS	5.5	23/11/2024	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
361	NGÔ THANH THÚY	21/08/2007	Nữ	31251023518	IELTS	6	28/09/2024	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
362	NGUYỄN MINH ĐỨC	30/10/2007	Nam	31251027074	IELTS	5	14/12/2024	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
363	NGUYỄN NGỌC THANH MAI	02/10/2007	Nữ	31251026121	IELTS	5.5	13/07/2025	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
364	NGUYỄN TRẦN THIÊN ÂN	18/09/2007	Nữ	31251020336	IELTS	5.5	10/05/2025	7620114	Kinh doanh nông nghiệp	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
365	CAO BẢO NHI	04/10/2007	Nữ	31251028005	IELTS	7	19/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
366	CAO ĐỖ BẢO CHÂU	24/08/2007	Nữ	31251023170	IELTS	8	11/05/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
367	CHÚC NGUYỄN YẾN NHƯ	04/01/2007	Nữ	31251024713	IELTS	6	29/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
368	ĐẶNG CHÂU AN	07/02/2007	Nữ	31251024117	IELTS	6.5	22/07/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
369	ĐẶNG NGUYỄN BẢO HÂN	25/03/2007	Nữ	31251023173	IELTS	7	08/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
370	ĐINH THỊ MINH THƯ	27/07/2007	Nữ	31251024041	IELTS	6.5	24/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
371	ĐINH TUYẾT NHUNG	16/02/2007	Nữ	31251025248	IELTS	7	07/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
372	ĐỖ HOÀNG MINH QUÂN	09/12/2007	Nam	31251020998	IELTS	7	24/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
373	ĐỖ MINH LONG	18/05/2007	Nam	31251023371	IELTS	6.5	15/06/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
374	ĐỖ THỊ YẾN NHI	24/10/2007	Nữ	31251025321	IELTS	7.5	06/04/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
375	ĐỖ THIÊN HÀ MY	31/10/2007	Nữ	31251024549	IELTS	8	16/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
376	HÀN THỊ MỸ TIẾN	13/11/2007	Nữ	31251026184	IELTS	6	18/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
377	HỒ NGUYỄN PHƯỚC TÂN	03/06/2007	Nam	31251027813	IELTS	6	10/07/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
378	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	03/11/2007	Nữ	31251024710	IELTS	6.5	07/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
379	HUỖNH CẨM THY	05/10/2007	Nữ	31251022895	IELTS	6.5	24/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
380	HUỖNH ĐIỀU HÀ	01/01/2007	Nữ	31251025147	IELTS	6	13/07/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
381	HUỖNH ĐỖ THU HƯƠNG	18/08/2007	Nữ	31251026076	IELTS	6.5	20/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
382	HUỖNH KIM THOA	04/12/2007	Nữ	31251024692	IELTS	6.5	08/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
383	HUỖNH LÊ THIÊN LÝ	05/07/2007	Nữ	31251026599	IELTS	7	24/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
384	HUỖNH NGUYỄN DIỄM PHÚC	29/10/2007	Nữ	31251025210	IELTS	7.5	07/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
385	HUỖNH NHẬT QUANG	22/06/2007	Nam	31251024867	IELTS	6	25/05/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
386	LA VÕ QUỲNH NHI	25/12/2007	Nữ	31251027452	IELTS	6.5	01/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
387	LÂM BẢO TRÂM	22/10/2007	Nữ	31251024799	IELTS	6	28/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
388	LÊ BẢO ANH THƯ	13/10/2007	Nữ	31251027712	IELTS	6	14/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
389	LÊ CÔNG ĐĂNG KHẢI	24/03/2007	Nam	31251027411	IELTS	7	27/07/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
390	LÊ ĐOÀN HƯƠNG GIANG	28/10/2007	Nữ	31251027089	IELTS	6.5	08/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
391	LÊ HUỖNH BẢO NGỌC	02/10/2007	Nữ	31251024839	IELTS	6	28/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
392	LÊ KHÁNH THY	08/02/2007	Nữ	31251026664	IELTS	6.5	16/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
393	LÊ MỸ TRẦN	28/04/2007	Nữ	31251022241	IELTS	7	16/04/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
394	LÊ NGỌC VÂN NHI	02/08/2007	Nữ	31251021959	IELTS	6	30/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
395	LÊ NGUYỄN ANH THƯ	07/12/2007	Nữ	31251027764	IELTS	7.5	24/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
396	LÊ NGUYỄN TÚ AN	18/03/2007	Nữ	31251022227	IELTS	6	26/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
397	LÊ THỊ MINH ANH	17/01/2007	Nữ	31251024388	IELTS	6	13/06/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
398	LỮ ĐIỀU CHÂU	17/01/2007	Nữ	31251027812	IELTS	6.5	24/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
399	LÝ BÌNH KHÔN	07/02/2007	Nam	31251021198	IELTS	6	10/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
400	MAI BÀ PHONG	23/03/2007	Nam	31251027810	IELTS	7	18/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
401	MAI LÊ HƯƠNG GIANG	13/05/2007	Nữ	31251027829	IELTS	7	07/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
402	NGHIÊM ĐỖ VIỆT HOÀNG	05/03/2007	Nam	31251023589	IELTS	7	24/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
403	NGÔ BẢO NHIÊN	31/05/2007	Nữ	31251023668	IELTS	6.5	14/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
404	NGUYỄN BÀ HUY	28/01/2007	Nam	31251020481	IELTS	8	26/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
405	NGUYỄN CHÂU BẢO KHANG	11/04/2007	Nữ	31251026618	IELTS	6	28/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
406	NGUYỄN ĐÀO THẢO NGỌC	31/03/2007	Nữ	31251025896	IELTS	7	28/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
407	NGUYỄN ĐỖ PHÚC AN	05/12/2007	Nữ	31251020861	IELTS	7	13/04/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
408	NGUYỄN ĐỖ THIÊN NHÂN	06/02/2007	Nam	31251023667	IELTS	7.5	22/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
409	NGUYỄN HẢI ANH	05/07/2007	Nữ	31251021822	IELTS	7.5	02/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
410	NGUYỄN HỒ QUỲNH HƯƠNG	28/02/2007	Nữ	31251022889	IELTS	6.5	17/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
411	NGUYỄN HỒ TRƯỜNG AN	07/04/2007	Nữ	31251020372	IELTS	7	22/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
412	NGUYỄN HỒNG NGỌC	29/06/2007	Nữ	31251023178	IELTS	7	15/06/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
413	NGUYỄN HỮU ĐỨC	12/10/2007	Nam	31251026335	IELTS	7	26/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
414	NGUYỄN HUY PHƯỚC	25/12/2007	Nam	31251021395	IELTS	7	18/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
415	NGUYỄN HUỲNH LAN ANH	30/05/2007	Nữ	31251024711	IELTS	7	16/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
416	NGUYỄN LÊ HOÀNG NHÌ	24/10/2007	Nữ	31251027763	IELTS	7	18/05/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
417	NGUYỄN MINH PHÚC	03/01/2007	Nam	31251023954	IELTS	7	05/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
418	NGUYỄN NGÔ BẢO TRÂM	07/12/2007	Nữ	31251025298	IELTS	5	02/05/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
419	NGUYỄN NGỌC CHÂU AN	15/02/2007	Nữ	31251027613	IELTS	7	25/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
420	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	23/03/2007	Nữ	31251022138	IELTS	8	08/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
421	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	28/09/2007	Nữ	31251023630	IELTS	6	14/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
422	NGUYỄN NGỌC TÂM NHƯ	18/06/2007	Nữ	31251026390	IELTS	7	13/06/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
423	NGUYỄN NGỌC THANH NGÂN	11/12/2007	Nữ	31251024398	IELTS	7	08/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
424	NGUYỄN NGỌC THÚY VY	19/07/2007	Nữ	31251028416	IELTS	6	24/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
425	NGUYỄN PHẠM THỦY PHÚC	15/12/2007	Nữ	31251022988	IELTS	6	23/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
426	NGUYỄN PHẠM VĂN ANH	12/09/2007	Nữ	31251023759	IELTS	7	08/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
427	NGUYỄN PHAN NHƯ KHUÊ	13/09/2007	Nữ	31251024088	IELTS	6	15/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
428	NGUYỄN PHƯƠNG NHÌ	05/02/2007	Nữ	31251027426	IELTS	7	14/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
429	NGUYỄN THANH THẢO	07/02/2007	Nữ	31251023180	IELTS	6	22/06/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
430	NGUYỄN THANH THÙY	09/10/2007	Nữ	31251020587	IELTS	7	31/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
431	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	14/11/2007	Nữ	31251028004	IELTS	7	16/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
432	NGUYỄN THỊ GIA HỘI	05/06/2007	Nữ	31251026663	IELTS	6	21/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
433	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	15/10/2007	Nữ	31251023286	IELTS	7.5	30/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
434	NGUYỄN THỊ LAM VĂN	13/04/2007	Nữ	31251028079	IELTS	7	16/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
435	NGUYỄN THỊ MINH THUYỀN	09/06/2007	Nữ	31251027797	IELTS	7	12/07/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
436	NGUYỄN THỊ THANH NGÀ	20/05/2007	Nữ	31251027468	IELTS	5.5	13/07/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
437	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	30/03/2007	Nữ	31251026717	IELTS	6	30/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
438	NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	20/01/2007	Nữ	31251025313	IELTS	6.5	17/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
439	NGUYỄN TRẦN HOÀNG NAM	01/06/2007	Nam	31251024759	IELTS	6.5	19/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
440	NGUYỄN VÕ HOÀNG NHÌ	28/11/2007	Nữ	31251026950	IELTS	6.5	16/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
441	NINH BẢO HÂN	22/08/2007	Nữ	31251021195	IELTS	7	23/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
442	PHẠM ĐOÀN THIÊN LONG	22/04/2007	Nam	31251023666	IELTS	7.5	17/05/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
443	PHẠM GIA VINH	01/03/2007	Nam	31251024410	IELTS	7.5	03/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
444	PHẠM HOÀNG MY	26/07/2007	Nữ	31251027265	IELTS	7	20/04/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
445	PHẠM LÊ KHÁNH VÂN	05/09/2006	Nữ	31251026720	IELTS	7	07/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
446	PHẠM NGỌC THÁI HÙNG	12/08/2007	Nam	31251027741	IELTS	7	03/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
447	PHẠM THỊ ANH ĐÀI	01/03/2007	Nữ	31251027151	IELTS	7	29/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
448	PHẠM TRẦN CẨM TÚ	05/07/2007	Nữ	31251025813	IELTS	7.5	10/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
449	PHẠM VĂN KHOA	01/06/2007	Nam	31251026558	IELTS	6	13/07/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
450	PHẠM YÊN PHƯƠNG	04/06/2007	Nữ	31251027711	IELTS	7	11/07/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
451	PHAN ĐÀO QUỲNH NHÌ	29/09/2007	Nữ	31251026181	IELTS	6	28/05/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
452	TẠ KHÁNH LINH	31/01/2007	Nữ	31251025895	IELTS	6.5	06/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
453	THÁI NAM QUỐC	02/01/2007	Nam	31251027773	IELTS	7	15/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
454	TỔNG THỊ HÀ MY	01/12/2007	Nữ	31251027537	IELTS	7	16/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
455	TRẦN DIỆP CHI	30/08/2007	Nữ	31251027916	IELTS	7	17/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
456	TRẦN DIỆU HOA	02/08/2007	Nữ	31251025948	IELTS	7.5	02/11/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
457	TRẦN HOÀNG BẢO NGỌC	30/01/2007	Nữ	31251027682	IELTS	7.5	26/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
458	TRẦN KHÁNH DUYỄN	17/02/2007	Nữ	31251027342	IELTS	7	25/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
459	TRẦN NGUYỄN QUỐC ANH	02/01/2007	Nam	31251024166	IELTS	5	18/01/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
460	TRẦN PHƯƠNG THẢO	21/08/2007	Nữ	31251027953	IELTS	6.5	08/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
461	TRẦN QUANG TRƯỜNG	21/05/2007	Nam	31251025495	IELTS	6.5	14/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
462	TRẦN THỊ KIỀU OANH	08/08/2007	Nữ	31251025033	IELTS	5.5	18/07/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
463	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	14/02/2007	Nữ	31251026387	IELTS	7.5	09/12/2023	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
464	TRẦN THỊ THUỶ TRANG	23/11/2007	Nữ	31251025476	IELTS	6.5	13/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
465	TRẦN THY KỲ	10/07/2007	Nữ	31251020585	IELTS	6.5	14/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
466	TRẦN VÕ HƯƠNG GIANG	30/05/2007	Nữ	31251024087	IELTS	6	15/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
467	TRẦN VŨ ANH THƯ	02/06/2007	Nữ	31251021203	IELTS	6.5	17/05/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
468	TRIỆU HUỆ LIÊN	17/09/2007	Nữ	31251020373	IELTS	7.5	27/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
469	TRỊNH DUY ANH	17/02/2007	Nam	31251027114	IELTS	7	23/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
470	TRƯƠNG NGUYỄN QUỲNH ANH	19/04/2007	Nữ	31251021824	IELTS	7.5	26/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
471	TRƯƠNG PHAN ĐOAN VY	15/08/2007	Nữ	31251024322	IELTS	6	09/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
472	TRƯƠNG THẾ NGUYỄN	04/06/2007	Nam	31251027425	IELTS	6	04/05/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
473	TRƯƠNG TIỀN NGA	06/09/2007	Nữ	31251026501	IELTS	7	22/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
474	VÕ MINH KHANG	21/05/2007	Nam	31251026873	IELTS	6.5	14/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
475	VÕ NGUYỄN BẢO TRẦN	14/09/2007	Nữ	31251026719	IELTS	6.5	22/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
476	VÕ NGUYỄN NGHI DUNG	17/09/2007	Nữ	31251023171	IELTS	6	08/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
477	VÕ NGUYỄN NGỌC HIẾU	24/04/2007	Nữ	31251026947	IELTS	7	14/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
478	VÕ THỊ MỸ DUNG	13/07/2007	Nữ	31251026946	IELTS	7	31/08/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
479	VŨ HOÀNG NGUYỄN	16/06/2007	Nam	31251023239	IELTS	8	26/10/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
480	VŨ THỊ THUỶ DƯƠNG	28/08/2007	Nữ	31251026218	IELTS	6.5	14/12/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
481	VŨ THU NGÂN	09/11/2007	Nữ	31251026948	IELTS	6	13/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
482	VŨ THỦY DƯƠNG	06/11/2007	Nữ	31251023285	IELTS	6.5	29/03/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
483	VŨ TRẦN HÀ ANH	17/02/2007	Nữ	31251026353	IELTS	7	28/09/2024	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
484	VƯƠNG MAI CHI	04/11/2007	Nữ	31251027115	IELTS	6	13/02/2025	7340120	Kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
485	BÙI BẢO THY	09/09/2007	Nữ	31251027737	IELTS	6.5	30/11/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
486	ĐẶNG HỒNG PHÚC	01/01/2007	Nữ	31251023410	IELTS	6.5	24/08/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
487	ĐINH NGỌC ANH	28/12/2007	Nữ	31251020854	IELTS	6.5	06/10/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
488	HÀ NGUYỄN QUỲNH NHƯ	16/07/2007	Nữ	31251020855	IELTS	6.5	25/08/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
489	HUỲNH PHƯƠNG THẢO	05/09/2007	Nữ	31251022882	IELTS	6	08/03/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
490	LÊ BẢO DUY	28/05/2007	Nam	31251022544	IELTS	6.5	22/02/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
491	LÊ HUỲNH TRÚC PHƯƠNG	16/09/2007	Nữ	31251020574	IELTS	6.5	16/11/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
492	LÊ NGUYỄN GIA HÂN	15/05/2007	Nữ	31251027636	IELTS	5.5	17/08/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
493	LÊ TRẦN BẢO NGỌC	30/01/2007	Nữ	31251026169	IELTS	6	19/07/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
494	LƯƠNG GIA KHÁNH	10/10/2007	Nam	31251025394	IELTS	6.5	08/08/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
495	NGUYỄN BẢO HÂN	14/10/2007	Nữ	31251023703	IELTS	6.5	08/03/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
496	NGUYỄN ĐAN QUẾ	11/10/2007	Nữ	31251026497	IELTS	6.5	16/03/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
497	NGUYỄN HỨA BẢO NGÂN	25/09/2007	Nữ	31251024865	IELTS	6	23/07/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
498	NGUYỄN PHẠM HOÀNG KIM NGÂN	07/07/2007	Nữ	31251022022	IELTS	5.5	22/03/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
499	NGUYỄN PHAN LINH NHI	28/09/2007	Nữ	31251023368	IELTS	6	03/08/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
500	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	16/05/2007	Nữ	31251024376	IELTS	6.5	22/02/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
501	PHẠM ĐAN KHANH	04/03/2007	Nữ	31251021180	IELTS	7	17/08/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
502	PHẠM THÚY HẰNG	24/04/2007	Nữ	31251026598	IELTS	5	20/07/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
503	TRẦN KHÁNH CHI	09/09/2007	Nữ	31251028070	IELTS	5	10/10/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
504	TRẦN KHÁNH NGỌC	04/03/2007	Nữ	31251021377	IELTS	7	05/10/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
505	TRẦN KIỀU KHÁNH LINH	09/04/2007	Nữ	31251024792	IELTS	7.5	28/12/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
506	TRẦN MAI NGUYỄN	24/04/2007	Nam	31251026845	IELTS	6	30/11/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
507	TRẦN THỊ TRÚC LINH	19/04/2007	Nữ	31251025554	IELTS	6.5	30/11/2024	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
508	VŨ THỦY DƯƠNG	24/10/2007	Nữ	31251026095	IELTS	6	20/04/2025	7340101_02	Kinh doanh số	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
509	BÙI THỊ THÚY VY	25/03/2007	Nữ	31251024663	IELTS	6.5	24/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
510	CAO HUỲNH THẢO VY	16/09/2007	Nữ	31251026355	IELTS	6	21/06/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
511	ĐINH LONG GIANG	14/02/2007	Nữ	31251026849	IELTS	6.5	18/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
512	ĐỖ PHẠM YẾN NGỌC	04/03/2007	Nữ	31251026097	IELTS	6	20/07/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
513	DƯƠNG THỊ TUYẾT LINH	15/11/2007	Nữ	31251025954	IELTS	6.5	08/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
514	HỒ NGỌC BẢO KHÁNH	15/10/2007	Nữ	31251027685	IELTS	6.5	22/02/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
515	HUỲNH GIA HUY	17/10/2007	Nam	31251021205	IELTS	7.5	01/03/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
516	HUỲNH LÊ THIÊN Y	29/05/2007	Nữ	31251022627	IELTS	6	28/12/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
517	HUỲNH NHẬT HUY	22/04/2007	Nam	31251023958	IELTS	6	13/07/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
518	HUỲNH THỊ TRÂM ANH	21/05/2007	Nữ	31251021003	IELTS	7	20/07/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
519	LÊ BẢO NGỌC	16/09/2007	Nữ	31251023831	IELTS	6.5	15/03/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
520	LÊ NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	12/10/2007	Nữ	31251022746	IELTS	6.5	27/04/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
521	LÊ THỊ BẢO PHƯƠNG	23/07/2007	Nữ	31251027954	IELTS	6.5	23/11/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
522	LÊ VŨ THANH	03/10/2004	Nam	31251025816	IELTS	5	27/01/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
523	LƯƠNG VĨNH KHANG	17/02/2007	Nam	31251020378	IELTS	7.5	07/12/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
524	MAI LÊ THUY TRANG	06/10/2007	Nữ	31251026224	IELTS	7	16/11/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
525	NGÔ HỒNG ANH	07/10/2007	Nữ	31251027150	IELTS	6	18/01/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
526	NGUYỄN BẢO HÂN	14/01/2007	Nữ	31251027152	IELTS	6	28/12/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
527	NGUYỄN LÊ QUỲNH CHI	16/10/2007	Nữ	31251027075	IELTS	6.5	24/11/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
528	NGUYỄN LÊ THỦY TIẾN	02/01/2007	Nữ	31251026393	IELTS	7.5	30/11/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
529	NGUYỄN NGỌC LÊ KHANH	02/03/2007	Nữ	31251026525	IELTS	6.5	23/11/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
530	NGUYỄN NGỌC QUỲNH MY	09/07/2007	Nữ	31251026957	IELTS	6.5	08/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
531	NGUYỄN NGỌC THANH TÚ	11/07/2007	Nữ	31251028267	IELTS	6.5	17/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
532	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	10/02/2007	Nữ	31251025557	IELTS	6	13/07/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
533	NGUYỄN PHẠM THANH HUỲNH	15/10/2006	Nữ	31251028071	IELTS	6	06/04/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
534	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LY	03/12/2007	Nữ	31251028351	IELTS	6.5	22/02/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
535	NGUYỄN TRẦN NGỌC TIẾN	03/08/2007	Nữ	31251020589	IELTS	6.5	05/10/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
536	NGUYỄN TRỊNH MINH HIỀN	08/10/2007	Nữ	31251026128	IELTS	5.5	17/03/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
537	NGUYỄN VIỆT BẢO	03/12/2007	Nam	31251024168	IELTS	7	17/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
538	PHẠM HOÀNG LINH ĐAN	05/01/2007	Nữ	31251027684	IELTS	6.5	13/02/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
539	PHẠM VŨ THANH THỦY	12/07/2007	Nữ	31251025497	IELTS	5.5	11/01/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
540	PHẦN DUY KHÁNH	11/03/2007	Nam	31251026955	IELTS	6.5	12/04/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
541	TRẦN KHÁNH HUỲNH	22/03/2007	Nữ	31251027869	IELTS	7	24/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
542	TRẦN KHÔI NGUYỄN	29/09/2007	Nam	31251024800	IELTS	5.5	28/12/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
543	TRẦN NGỌC NHẬT TÚ	08/07/2007	Nữ	31251022093	IELTS	6.5	24/03/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
544	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	14/08/2007	Nữ	31251027713	IELTS	6.5	06/03/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
545	TRẦN THÚY HẰNG	01/01/2007	Nữ	31251020377	IELTS	6	22/03/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
546	TRẦN VŨ NGUYỄN NGỌC	05/08/2007	Nữ	31251026129	IELTS	6.5	08/03/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
547	TRỊNH VÂN KHÁNH	26/06/2007	Nữ	31251026223	IELTS	6	03/08/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
548	TRƯƠNG BẢO NHI	16/01/2007	Nữ	31251025112	IELTS	6.5	23/11/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
549	VÕ HÀ NHI	17/07/2007	Nữ	31251026819	IELTS	6.5	22/06/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
550	VÕ KHÁNH QUYẾN	21/11/2007	Nữ	31251026915	IELTS	7	14/12/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
551	VÕ NGUYỄN THẢO NGÂN	07/03/2007	Nữ	31251020588	IELTS	7	22/01/2025	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
552	VŨ HỒ BẢO NGHI	11/01/2007	Nữ	31251023182	IELTS	7	14/12/2023	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
553	VŨ TRẦN HÀ AN	28/01/2007	Nữ	31251026722	IELTS	6	21/12/2024	7340121	Kinh doanh thương mại	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
554	CAO YẾN NY	19/12/2007	Nữ	31251025785	IELTS	6	13/02/2025	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
555	ĐỖ NGUYỄN KỲ DUYẾN	23/02/2007	Nữ	31251027125	IELTS	6	08/03/2025	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
556	DƯƠNG PHAN HOÀI THƯƠNG	21/02/2007	Nữ	31251023692	IELTS	6.5	17/08/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
557	HUỲNH MINH HOÀNG	26/01/2007	Nam	31251020026	IELTS	7.5	25/02/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
558	LÊ THÁI BẢO LINH	17/09/2007	Nữ	31251025783	IELTS	6	22/03/2025	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
559	NGUYỄN CẨM NHUNG	22/11/2007	Nữ	31251027974	IELTS	6	07/12/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
560	NGUYỄN HỮU TÌNH	30/11/2007	Nam	31251023752	IELTS	6	24/08/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
561	NGUYỄN NGỌC MỸ KIM	25/07/2007	Nữ	31251025782	IELTS	6.5	08/02/2025	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
562	NGUYỄN QUỲNH NHI	17/10/2007	Nữ	31251026361	IELTS	6	26/10/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
563	NGUYỄN TRIỆU YẾN TRANG	26/09/2007	Nữ	31251021506	IELTS	6.5	24/08/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
564	TẠ VƯƠNG PHƯƠNG NGUYỄN	23/12/2007	Nữ	31251024335	IELTS	6.5	08/02/2025	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
565	TRẦN TƯỜNG VY	26/01/2007	Nữ	31251026925	IELTS	6	13/01/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
566	TRƯƠNG THỊ MAI ANH	13/03/2007	Nữ	31251027460	IELTS	5.5	08/03/2025	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
567	VŨ MINH KIẾN	30/03/2007	Nam	31251027634	IELTS	8	17/08/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
568	VÕ THỊ SAN SAN	31/03/2007	Nữ	31251027111	IELTS	6.5	19/10/2024	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
569	VŨ THỊ KIM NGÂN	25/07/2007	Nữ	31251025784	IELTS	6.5	04/05/2025	7310101	Kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
570	ĐINH ANH QUỐC	28/08/2007	Nam	31251023144	IELTS	6.5	07/12/2024	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
571	NGUYỄN GIA HUY	25/11/2007	Nam	31251022171	IELTS	7	09/01/2025	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
572	NGUYỄN THỦY TIỀN	06/11/2007	Nữ	31251023384	IELTS	5.5	28/05/2025	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
573	PHẠM ĐAN THI	10/11/2007	Nữ	31251027723	IELTS	6	19/04/2025	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
574	THẠCH THANH TRÀ	23/10/2007	Nữ	31251023145	IELTS	6	08/02/2025	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
575	TRẦN VŨ PHƯƠNG THỦY	12/01/2007	Nữ	31251023548	IELTS	6.5	15/03/2025	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
576	TRƯƠNG TRỊNH GIA HÂN	01/12/2007	Nữ	31251026704	IELTS	6	30/11/2024	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
577	VŨ TRẦN KHÁNH HUYỀN	20/04/2007	Nữ	31251026331	IELTS	7	31/05/2025	7310102	Kinh tế chính trị	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
578	CÁI THỊ KHÁNH VÂN	21/04/2007	Nữ	31251027822	IELTS	6.5	22/06/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
579	ĐẶNG ANH THƯ	28/02/2007	Nữ	31251026123	IELTS	5.5	30/11/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
580	ĐÀO THIÊN ÁI	14/04/2007	Nữ	31251023619	IELTS	6	23/11/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
581	ĐỖ MINH ĐẠT	30/01/2007	Nam	31251023753	IELTS	6	24/08/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
582	HOÀNG NGỌC PHƯƠNG TRANG	22/09/2007	Nữ	31251021509	IELTS	7	08/02/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
583	HOÀNG VIỆT HƯNG	30/10/2007	Nam	31251026366	IELTS	6.5	08/08/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
584	KỶ VIỆT LONG	28/01/2007	Nam	31251020751	IELTS	6	18/05/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
585	LÊ ĐĂNG KHÔI	29/08/2007	Nam	31251025662	IELTS	6	23/04/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
586	LÊ ĐĂNG THANH XUÂN	20/06/2006	Nữ	31251024921	IELTS	6	19/04/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
587	LÊ DIỄM KIỀU	11/02/2007	Nữ	31251023693	IELTS	5	22/03/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
588	LÊ KHANG	21/02/2007	Nam	31251020943	IELTS	6	08/03/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
589	LÊ TẤN PHÚC	25/05/2007	Nam	31251023796	IELTS	7	24/08/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
590	LÊ THỊ TRẦN CHÂU	24/07/2007	Nữ	31251022173	IELTS	6	15/06/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
591	NGHIÊM HOÀNG NHẬT ANH	08/11/2007	Nam	31251025871	IELTS	5.5	15/07/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
592	NGÔ TẤN LỘC	26/04/2007	Nam	31251024114	IELTS	6	03/08/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
593	NGUYỄN ĐỨC HUYNH	07/03/2007	Nam	31251026365	IELTS	6	14/12/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
594	NGUYỄN HỮU THỌ	25/04/2007	Nam	31251028113	IELTS	6	20/02/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
595	NGUYỄN PHÚC GIA HƯNG	02/08/2007	Nam	31251026204	IELTS	6	28/10/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
596	NGUYỄN QUỐC TIẾN	01/06/2007	Nam	31251026589	IELTS	6	30/11/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
597	NGUYỄN THANH LIÊM	06/03/2007	Nam	31251026671	IELTS	6	03/08/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
598	NGUYỄN THÀNH TRÍ	01/08/2007	Nam	31251025422	IELTS	6	08/06/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
599	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	28/01/2007	Nữ	31251025731	IELTS	6	27/04/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
600	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	08/02/2007	Nữ	31251022662	IELTS	5.5	22/06/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
601	PHAN LÊ VIỆT HẰNG	25/03/2007	Nữ	31251024630	IELTS	7	08/08/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
602	TRẦN HỒNG NGỌC	18/12/2007	Nữ	31251020839	IELTS	6.5	15/03/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
603	TRẦN KHÁNH DUYỄN	07/04/2007	Nữ	31251026705	IELTS	7	14/09/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
604	TRẦN MINH QUANG	23/07/2007	Nam	31251027708	IELTS	7	09/03/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
605	TRẦN MINH TUYẾT	11/08/2007	Nữ	31251027005	IELTS	6	26/10/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
606	TRẦN NGỌC PHƯƠNG LINH	12/11/2007	Nữ	31251021350	IELTS	6.5	22/02/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
607	TRẦN PHẠM TÂM ĐAN	05/12/2007	Nữ	31251026927	IELTS	6.5	14/12/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
608	TRẦN TẠ ĐĂNG HUY	31/03/2007	Nam	31251025789	IELTS	6.5	06/03/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
609	TRẦN THỊ MINH KHUÊ	20/06/2007	Nữ	31251027331	IELTS	5.5	23/01/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
610	TRẦN VIỆT GIA HUY	14/09/2007	Nam	31251027112	IELTS	6.5	16/01/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
611	VĂN NGUYỄN HOÀI NGHI	10/04/2007	Nữ	31251026928	IELTS	5	22/02/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
612	VÕ ĐẮC HUY HOÀNG	26/08/2007	Nam	31251025788	IELTS	7	12/01/2025	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
613	VŨ TUYẾT TRINH	12/05/2007	Nữ	31251025874	IELTS	6.5	03/12/2024	7310104_01	Kinh tế đầu tư	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
614	CAO BÁCH TÙNG	30/03/2007	Nam	31251027646	IELTS	6.5	19/01/2025	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
615	ĐỖ NGUYỄN HẠ LIÊN	08/12/2007	Nữ	31251022340	IELTS	6.5	27/04/2025	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
616	HÀ NGỌC BẢO TRẦN	05/08/2007	Nữ	31251022939	IELTS	5	24/08/2024	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
617	HỒ MINH TRUNG	04/12/2007	Nam	31251021093	IELTS	7	11/05/2025	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
618	LÊ GIA PHÚC	25/10/2007	Nam	31251021886	IELTS	6.5	23/11/2024	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
619	LÊ KIẾN KHOA	21/12/2007	Nam	31251020281	IELTS	8	20/07/2024	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
620	NGUYỄN LỮ KHÔI NGUYỄN	07/08/2007	Nam	31251021294	IELTS	6.5	29/12/2024	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
621	NGUYỄN NGÔ ĐỨC TRÍ	06/08/2007	Nam	31251020908	IELTS	7	03/02/2025	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
622	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	02/09/2007	Nam	31251028262	IELTS	5	24/08/2024	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
623	NGUYỄN THANH TÙNG	30/07/2007	Nam	31251020629	IELTS	5.5	23/07/2025	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
624	PHẠM THÁI THỊNH	08/10/2007	Nam	31251021647	IELTS	6.5	29/03/2025	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
625	TRẦN HOÀNG ĐẠT	04/07/2007	Nam	31251027726	IELTS	5.5	22/02/2025	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
626	TRẦN MINH MẠNH	04/10/2007	Nam	31251023502	IELTS	6.5	13/01/2024	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
627	TRƯƠNG ĐỨC QUANG	30/06/2007	Nam	31251021295	IELTS	8	04/08/2024	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
628	BÙI NGỌC NHI	04/05/2007	Nữ	31251020017	IELTS	6.5	22/02/2025	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
629	ĐẶNG THỊ LAN HƯƠNG	08/11/2007	Nữ	31251027788	IELTS	6.5	19/07/2025	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
630	ĐÀO NGỌC ANH THƯ	17/06/2007	Nữ	31251022152	IELTS	6.5	25/11/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
631	HÀ ANH THƯ	24/01/2007	Nữ	31251026883	IELTS	7.5	24/08/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
632	HÀ PHƯƠNG VI	13/10/2007	Nữ	31251024625	IELTS	7	30/11/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
633	HỒ CAO THUỶ TRANG	23/01/2007	Nữ	31251023847	IELTS	6.5	24/08/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
634	HOÀNG VÕ THÚY AN	10/12/2007	Nữ	31251022160	IELTS	6.5	15/12/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
635	LÊ MINH THƯ	30/03/2007	Nữ	31251024846	IELTS	7	23/11/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
636	LÊ THÁI HÙNG	03/05/2006	Nam	31251026269	IELTS	7.5	14/12/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
637	NGUYỄN NGÔ THỰC TRÂM	03/02/2007	Nữ	31251027224	IELTS	7	23/11/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
638	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	06/03/2007	Nữ	31251020725	IELTS	7	10/10/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
639	NGUYỄN THÁI TRÚC MY	31/07/2007	Nữ	31251026650	IELTS	7.5	14/12/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
640	NGUYỄN THỊ MINH THUỶ	11/04/2007	Nữ	31251024109	IELTS	6.5	19/07/2025	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
641	NGUYỄN TIẾN SANG	23/08/2007	Nam	31251023510	IELTS	7	04/11/2023	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
642	NGUYỄN TRÂM ANH	01/09/2007	Nữ	31251020913	IELTS	7	27/08/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
643	NGUYỄN Ỡ BẢO NGHI	18/10/2007	Nữ	31251020007	IELTS	7.5	27/07/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
644	PHẠM NGỌC KHÁNH NHI	25/10/2007	Nữ	31251024508	IELTS	7.5	17/08/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
645	PHẠM QUỲNH CHI	29/09/2007	Nữ	31251028217	IELTS	7	07/12/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
646	PHAN PHÚ PHONG	10/04/2007	Nam	31251021897	IELTS	7	17/11/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
647	PHÍ NGUYỄN PHƯƠNG NHI	04/10/2007	Nữ	31251022357	IELTS	6.5	16/11/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
648	TRẦN NGỌC CAO THƯỢNG	26/07/2007	Nam	31251027873	IELTS	7	14/07/2025	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
649	TRẦN THỊ HỒNG HUỆ	09/12/2007	Nữ	31251023079	IELTS	6	07/12/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
650	TRƯƠNG QUANG TUỆ	02/12/2007	Nam	31251025472	IELTS	5	13/06/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
651	VÕ PHƯƠNG TUYẾT	21/05/2007	Nữ	31251024986	IELTS	7.5	25/08/2024	7510605_01	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
652	ĐẶNG HOÀNG NAM PHƯƠNG	01/01/2007	Nữ	31251021085	IELTS	6.5	10/08/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
653	ĐỖ PHẠM HOÀNG KIM	28/09/2007	Nữ	31251021281	IELTS	7.5	30/05/2025	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
654	LÊ ĐẮC PHÚ HOÀNG	07/09/2007	Nam	31251021452	IELTS	6.5	22/09/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
655	LÊ MINH THƯ	12/12/2007	Nữ	31251026760	IELTS	6.5	16/11/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
656	NGÔ THỊ TUỆ NHI	01/10/2007	Nữ	31251020279	IELTS	7	02/11/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
657	NGUYỄN ANH THẢO	27/09/2007	Nữ	31251022329	IELTS	7	03/08/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
658	NGUYỄN LÊ BẢO NGỌC	13/10/2007	Nữ	31251026645	IELTS	6	21/12/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
659	NGUYỄN LÊ KIỀU TRANG	17/06/2007	Nữ	31251027180	IELTS	6	14/12/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
660	NGUYỄN NGỌC CẨM TÚ	22/12/2007	Nữ	31251023490	IELTS	5.5	19/10/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
661	NGUYỄN PHẠM MINH NHƯ	21/10/2007	Nữ	31251020410	IELTS	6.5	24/08/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
662	NGUYỄN TỬ THANH HÂN	05/03/2007	Nữ	31251026828	IELTS	6.5	27/07/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
663	NGUYỄN VÂN NHI	11/05/2007	Nữ	31251026984	IELTS	6	27/01/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
664	TRẦN GIA HÂN	20/08/2007	Nữ	31251020108	IELTS	7	22/06/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
665	TRẦN VIỆT ANH	01/08/2007	Nam	31251028155	IELTS	7.5	28/12/2024	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
666	VŨ HẢI QUỲNH	20/09/2007	Nữ	31251023489	IELTS	7.5	31/05/2025	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
667	VŨ NHƯ NGỌC	04/03/2007	Nữ	31251026012	IELTS	6	20/04/2025	7380101	Luật kinh doanh quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
668	BÙI LÊ HÀ MY	24/09/2007	Nữ	31251026194	IELTS	6.5	30/03/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
669	BÙI TUẤN PHONG	12/07/2007	Nam	31251021086	IELTS	6	20/07/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
670	DƯƠNG PHƯƠNG THẢO	22/02/2007	Nữ	31251027880	IELTS	6.5	09/03/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
671	HỒ HƯƠNG GIANG	13/09/2007	Nữ	31251026985	IELTS	6.5	08/03/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
672	HỒ THỊ AN QUYÊN	20/11/2007	Nữ	31251028036	IELTS	6.5	23/11/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
673	LÂM THỊ NHƯ NGỌC	30/05/2007	Nữ	31251027390	IELTS	5.5	24/08/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
674	LÊ HẠ MY	01/01/2007	Nữ	31251024646	IELTS	6.5	19/07/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
675	LÊ HỮU DUY AN	31/05/2007	Nữ	31251020716	IELTS	6.5	17/08/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
676	NGÔ HOÀNG TRẦN	07/05/2007	Nữ	31251020331	IELTS	6.5	07/12/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
677	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	10/10/2007	Nam	31251026258	IELTS	6	07/12/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
678	NGUYỄN GIA HƯNG	14/08/2007	Nam	31251021455	IELTS	6.5	07/12/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
679	NGUYỄN HUYỀN CHÂU	28/06/2007	Nữ	31251027923	IELTS	6.5	30/11/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
680	NGUYỄN LAN ANH	16/01/2007	Nữ	31251028244	IELTS	6	13/02/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
681	NGUYỄN LÊ BẢO ANH	02/11/2007	Nữ	31251027321	IELTS	6.5	23/11/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
682	NGUYỄN MINH ANH	24/08/2007	Nữ	31251025234	IELTS	6	28/09/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
683	NGUYỄN MINH THUY	22/12/2006	Nữ	31251023074	IELTS	6	08/02/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
684	NGUYỄN NGỌC BẢO TRẦN	10/12/2007	Nữ	31251027473	IELTS	6	26/04/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
685	NGUYỄN NGỌC MAI HÂN	05/01/2007	Nữ	31251023923	IELTS	5.5	08/02/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
686	NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG	25/11/2007	Nữ	31251020223	IELTS	7	15/03/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
687	NGUYỄN NGỌC VY	06/08/2007	Nữ	31251024485	IELTS	6	16/08/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
688	NGUYỄN QUỲNH KHÁNH LINH	06/10/2007	Nữ	31251026646	IELTS	7	08/03/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
689	NGUYỄN VIỆT THẢO TIẾN	29/10/2007	Nữ	31251026647	IELTS	5.5	22/02/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
690	PHẠM KHÁNH LY	08/02/2007	Nữ	31251023492	IELTS	6.5	11/01/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
691	PHẠM THỊ BẢO NGỌC	22/04/2007	Nữ	31251026515	IELTS	5	10/08/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
692	TRẦN PHƯƠNG MAI	18/02/2007	Nữ	31251023341	IELTS	6.5	27/12/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
693	TRINH NỮ HOÀNG AN	16/10/2007	Nữ	31251027181	IELTS	6.5	17/08/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
694	VĂN CHIÊU ĐAN	25/11/2007	Nữ	31251026529	IELTS	6.5	22/03/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
695	VÕ THỊ QUỲNH NHƯ	22/03/2007	Nữ	31251023494	IELTS	6.5	05/10/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
696	VÒNG MỸ QUỲNH	14/11/2007	Nữ	31251024580	IELTS	5	10/08/2024	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
697	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	22/01/2007	Nữ	31251023575	IELTS	6	15/03/2025	7380107	Luật kinh tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
698	BÙI BẢO ANH	07/02/2007	Nữ	31251027006	IELTS	7	29/10/2023	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
699	BÙI THỊ HỒNG NHUNG	07/01/2007	Nữ	31251025024	IELTS	6.5	30/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
700	BÙI THỊ KIM THẢO	06/04/2007	Nữ	31251025038	IELTS	7	03/08/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
701	CAO HOÀNG YẾN NHI	26/10/2006	Nữ	31251022088	IELTS	7	19/07/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
702	ĐẶNG NGỌC YẾN NHI	02/01/2007	Nữ	31251025888	IELTS	6	21/12/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
703	ĐẶNG TRÚC GIA THẢO	01/12/2007	Nữ	31251026333	IELTS	6.5	26/10/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
704	ĐỖ HỒNG ANH	20/08/2007	Nam	31251023918	IELTS	6.5	10/10/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
705	ĐỖ KHÁNH LINH	15/10/2007	Nữ	31251028275	IELTS	7.5	13/01/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
706	HỒ GIA THUẬN	15/12/2007	Nam	31251020771	IELTS	7	27/04/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
707	HUYỀN PHƯƠNG ÁNH	08/11/2007	Nữ	31251020858	IELTS	7	11/08/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
708	KHỔNG LÊ THANH TRÚC	25/09/2007	Nữ	31251023412	IELTS	7.5	08/08/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
709	LƯU GIA KHIÊM	02/11/2005	Nam	31251025196	IELTS	6.5	14/07/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
710	LƯU THANH TÚ	28/11/2007	Nam	31251020983	IELTS	6	24/08/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
711	MAI PHƯƠNG NHI	07/09/2007	Nữ	31251023164	IELTS	7	27/07/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
712	MAI YẾN THỦY ANH	22/08/2007	Nữ	31251020577	IELTS	7.5	07/09/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
713	NGUYỄN DIỆP KHÁNH TRƯỜNG	22/09/2007	Nam	31251023559	IELTS	7.5	03/08/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
714	NGUYỄN GIA PHÚC	22/03/2007	Nam	31251020664	IELTS	6.5	23/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
715	NGUYỄN KIỀU ANH	04/05/2007	Nữ	31251022728	IELTS	6	07/12/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
716	NGUYỄN MINH NGỌC	22/02/2007	Nữ	31251023826	IELTS	7	08/03/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
717	NGUYỄN NGỌC BẢO TIẾN	01/07/2007	Nữ	31251027679	IELTS	7	07/12/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
718	NGUYỄN NGỌC NHƯ ANH	09/01/2007	Nữ	31251024267	IELTS	7	14/12/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
719	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRÂM	25/02/2007	Nữ	31251020982	IELTS	6.5	23/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
720	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG NGUYỄN	28/03/2007	Nữ	31251022218	IELTS	5.5	23/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
721	NGUYỄN THỊ THẢO VÂN	04/01/2007	Nữ	31251024384	IELTS	5.5	15/06/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
722	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	14/05/2007	Nữ	31251027408	IELTS	6.5	08/10/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
723	NGUYỄN TRẦN TƯỜNG VY	23/03/2007	Nữ	31251026096	IELTS	6.5	20/04/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
724	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	07/02/2007	Nam	31251024709	IELTS	6.5	12/04/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
725	NGUYỄN TRÙNG DƯƠNG	05/01/2007	Nam	31251027739	IELTS	6.5	30/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
726	NÔNG THỊ VÂN GIANG	02/01/2007	Nữ	31251026465	IELTS	6	19/10/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
727	PHẠM NHƯ Ý	26/04/2007	Nữ	31251027088	IELTS	6.5	20/04/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
728	PHẠM VŨ PHƯƠNG AN	15/03/2007	Nữ	31251024757	IELTS	8	08/08/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
729	PHAN TÍN HẰNG	27/07/2007	Nam	31251020770	IELTS	6.5	27/04/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
730	PHAN VŨ ĐÌNH ĐẠT	25/02/2007	Nam	31251027968	IELTS	7	16/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
731	TRẦN BẢO KHÁNH BẰNG	22/02/2007	Nữ	31251024199	IELTS	6.5	25/01/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
732	TRẦN MINH THẢO	21/03/2007	Nữ	31251020981	IELTS	7	23/02/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
733	TRẦN THANH TRANG	11/11/2007	Nữ	31251020473	IELTS	7.5	25/01/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
734	TRẦN THẢO NGUYỄN	02/01/2007	Nữ	31251028089	IELTS	6	23/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
735	TRẦN THIÊN PHÚC	29/07/2007	Nam	31251022219	IELTS	7	16/12/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
736	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO NGÂN	04/05/2007	Nữ	31251020010	IELTS	7	06/04/2025	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
737	VŨ NGUYỄN TRÀ MY	19/02/2007	Nữ	31251026614	IELTS	6	30/11/2024	7340115_01	Marketing	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
738	CAO TUẤN HÙNG	08/08/2007	Nam	31251027866	IELTS	6	24/08/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
739	ĐỖ ĐĂNG KHOA	14/07/2007	Nam	31251021011	IELTS	6.5	05/10/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
740	ĐOÀN NGUYỄN BẢO TRẦN	11/02/2007	Nữ	31251023674	IELTS	6.5	07/09/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
741	ĐOÀN THU HẰNG	03/07/2007	Nữ	31251024274	IELTS	7	14/12/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
742	HOÀNG LÂM GIANG	06/11/2007	Nữ	31251026724	IELTS	6.5	09/03/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
743	HOÀNG THANH LONG	22/02/2007	Nam	31251021565	IELTS	5.5	22/07/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
744	LÊ ĐỖ THÙY LINH	14/07/2007	Nữ	31251020383	IELTS	6	11/05/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
745	LỢI GIA BẢO	28/03/2007	Nam	31251020675	IELTS	6.5	07/12/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
746	MAI LÊ MINH THƯ	31/03/2007	Nữ	31251022635	IELTS	5	08/03/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
747	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN	20/12/2007	Nữ	31251020492	IELTS	6	23/06/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
748	NGUYỄN HOÀNG MINH THƯ	20/11/2007	Nữ	31251022440	IELTS	6	20/03/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
749	NGUYỄN NHẬT HUY	18/11/2006	Nam	31251023962	IELTS	5	18/04/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
750	NGUYỄN SONG NGỌC MINH	02/02/2007	Nữ	31251020593	IELTS	6	16/12/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
751	NGUYỄN THỊ CẨM THU	03/01/2007	Nữ	31251020068	TOEIC	900	04/08/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
752	NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG	11/03/2007	Nữ	31251026049	IELTS	6	26/04/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
753	PHẠM THỊ THÙY ANH	15/12/2007	Nữ	31251024418	IELTS	6	08/03/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
754	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	12/11/2007	Nữ	31251023833	IELTS	6	15/03/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
755	TRẦN TRỌNG TRÍ	01/06/2007	Nam	31251023633	IELTS	6	08/08/2024	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
756	VŨ ANH QUẢN	13/01/2007	Nam	31251020676	IELTS	6.5	20/04/2025	7340201_03	Ngân hàng	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
757	BÙI MINH HOÀNG	03/09/2007	Nam	31251023576	IELTS	7.5	30/12/2023	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
758	ĐẶNG NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	14/08/2007	Nữ	31251020720	IELTS	6	21/09/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
759	HÀ PHƯƠNG THẢO	19/07/2007	Nữ	31251024728	IELTS	6.5	15/07/2025	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
760	HOÀNG BẢO TRẦN	03/02/2007	Nữ	31251027696	IELTS	7.5	24/08/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
761	LÊ MINH TRIẾT	09/02/2007	Nam	31251023501	IELTS	7	19/11/2023	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
762	LÊ THÁI BẢO	24/04/2007	Nữ	31251026556	IELTS	6.5	30/11/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
763	NGUYỄN BẢO HÂN	28/03/2007	Nữ	31251027458	IELTS	7.5	22/02/2025	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
764	NGUYỄN ĐỒNG HẢI	19/06/2007	Nam	31251026260	IELTS	6.5	28/09/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
765	NGUYỄN HOÀNG BẢO	08/06/2007	Nam	31251024700	IELTS	6.5	14/07/2025	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
766	NGUYỄN HỮU TOÀN	02/01/2007	Nam	31251026517	IELTS	7	28/12/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
767	NGUYỄN KHẮC LƯU VŨ	23/06/2007	Nam	31251026057	IELTS	6.5	26/04/2025	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
768	NGUYỄN KIM THỦY TIẾN	18/05/2007	Nữ	31251020224	IELTS	6.5	13/06/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
769	NGUYỄN NGỌC KHÁNH UYÊN	18/08/2007	Nữ	31251020225	IELTS	7	20/06/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
770	NGUYỄN NGỌC KIM TUYẾT	18/12/2007	Nữ	31251021884	IELTS	7	08/12/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
771	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	09/11/2007	Nữ	31251026474	IELTS	7	12/09/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
772	NGUYỄN TRỌNG MINH	11/11/2007	Nam	31251023499	IELTS	7	22/06/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
773	PHẠM ĐỨC THÀNH CÔNG	06/01/2007	Nam	31251021288	IELTS	7.5	29/08/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
774	PHẠM LÝ BẢO LÂM	08/09/2007	Nam	31251021089	IELTS	6.5	14/09/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
775	PHẠM MAI PHƯƠNG	09/12/2007	Nữ	31251023500	IELTS	7	08/08/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
776	PHẠM QUANG HẢI	17/03/2007	Nam	31251024489	IELTS	7	23/11/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
777	THÁI TUẤN PHÁT	05/05/2006	Nam	31251021456	IELTS	6.5	28/02/2025	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
778	TRẦN MINH HOÀNG	19/02/2007	Nam	31251026701	IELTS	7	20/07/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
779	TRẦN THẾ ĐĂNG KHOA	23/10/2007	Nam	31251020280	IELTS	7.5	06/07/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
780	TRỊNH QUỐC HƯNG	08/05/2007	Nam	31251021750	IELTS	8	14/09/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
781	TRỊNH THÚY HẰNG	30/03/2007	Nữ	31251021749	IELTS	6.5	14/09/2024	7460108_02	Phân tích dữ liệu (hướng kinh doanh và công nghệ)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
782	BÙI NHẬT HƯNG	06/10/2007	Nam	31251022185	IELTS	6.5	06/03/2025	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
783	ĐẶNG GIA HUY	17/07/2007	Nam	31251023936	IELTS	5	13/04/2025	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
784	ĐỖ NHƯ MINH NGUYỆT	17/11/2007	Nữ	31251020254	IELTS	6	08/02/2025	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
785	NGUYỄN MANH HƯNG	03/04/2007	Nam	31251023389	IELTS	6	09/12/2023	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
786	NGUYỄN MINH NGỌC	14/03/2007	Nữ	31251021798	IELTS	6	16/11/2024	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
787	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRẦN	16/10/2007	Nữ	31251024259	IELTS	6.5	20/04/2025	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
788	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	31/01/2006	Nữ	31251022455	IELTS	5	22/07/2025	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
789	PHẨM MINH PHONG	24/06/2007	Nam	31251022706	IELTS	6	10/08/2024	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
790	TẶNG BÁCH HƯƠNG	06/03/2007	Nữ	31251023390	IELTS	6	21/12/2024	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
791	TRẦN CÁT GIA HÂN	17/05/2007	Nữ	31251020949	IELTS	6	15/07/2025	7310108_02	Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
792	ĐOÀN PHƯƠNG LINH	08/03/2007	Nữ	31251023476	IELTS	5	30/11/2024	7340403	Quản lý công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
793	HOÀNG THỊ BẢO NGỌC	08/05/2007	Nữ	31251023477	IELTS	5	27/04/2025	7340403	Quản lý công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
794	KIM BÍCH NGỌC	05/03/2007	Nữ	31251023478	IELTS	6.5	28/09/2024	7340403	Quản lý công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
795	LÊ NGUYỄN THIÊN NGÂN	02/02/2007	Nữ	31251024208	IELTS	5.5	10/07/2025	7340403	Quản lý công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
796	NGUYỄN TRẦN BẢO AN	27/02/2007	Nữ	31251022318	IELTS	5.5	07/06/2025	7340403	Quản lý công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
797	ĐINH NGỌC KIM HOÀN	29/10/2007	Nữ	31251021185	IELTS	5.5	10/08/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
798	HUỶNH GIA HÂN	16/11/2007	Nữ	31251022671	IELTS	5.5	07/07/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
799	LÊ HOÀNG TRUNG KIẾN	21/04/2007	Nam	31251024161	IELTS	6	16/01/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
800	LÊ KHÁNH LINH	11/03/2007	Nữ	31251025493	IELTS	6	10/02/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
801	LÊ NHẬT HÂN ANH	04/03/2007	Nữ	31251023163	IELTS	7.5	17/07/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
802	LÊ PHẠM ANH THƯ	18/09/2007	Nữ	31251024661	IELTS	5.5	13/06/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
803	LÊ PHƯƠNG BẢO AN	08/12/2007	Nữ	31251027208	IELTS	5	09/05/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
804	LÊ TRÚC LAM	30/09/2007	Nữ	31251022885	IELTS	6.5	17/08/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
805	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	10/07/2007	Nữ	31251024162	IELTS	5	05/07/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
806	NGUYỄN QUÝ GIA THÀNH	25/07/2007	Nam	31251020663	IELTS	6.5	23/01/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
807	NGUYỄN TẤN VŨ	09/04/2007	Nam	31251027578	IELTS	6.5	22/01/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
808	PHẠM LÊ NGỌC LAN	04/05/2007	Nữ	31251027466	IELTS	7	28/12/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
809	PHẠM NGỌC BẢO TRẦN	29/09/2007	Nữ	31251021815	IELTS	6.5	12/04/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
810	PHẠM VŨ ANH	08/05/2007	Nữ	31251026711	IELTS	6.5	22/02/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
811	PHAN MINH CHÂU	01/03/2007	Nam	31251025207	IELTS	5.5	24/08/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
812	PHAN NGUYỄN HÀ MY	03/12/2007	Nữ	31251028302	IELTS	6.5	22/12/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
813	PHAN TRUNG TÍN	05/12/2007	Nam	31251025887	IELTS	6.5	08/02/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
814	TRẦN GIA LINH	01/12/2007	Nữ	31251020176	IELTS	6	23/11/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
815	TRẦN MINH TÂM	25/04/2007	Nữ	31251022087	IELTS	7	13/06/2024	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
816	TRƯƠNG QUANG BẢO CƯỜNG	06/11/2007	Nam	31251021539	IELTS	6	05/01/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
817	VŨ LÊ NAM PHƯƠNG	28/05/2007	Nữ	31251020977	IELTS	7.5	22/02/2025	7340101_04	Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
818	BÙI THỊ TUYẾT ĐOÀN	03/11/2007	Nữ	31251022456	IELTS	5.5	02/06/2025	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
819	CHUNG NHƯ PHƯƠNG	24/09/2007	Nữ	31251022841	IELTS	6	13/06/2024	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
820	ĐỖ ANH THƯ	28/03/2007	Nữ	31251024377	IELTS	6	26/10/2024	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
821	NGUYỄN BẢO NHẬT VY	26/09/2007	Nữ	31251021538	IELTS	5.5	08/03/2021	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
822	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH VY	16/11/2004	Nữ	31251027996	IELTS	6	23/12/2023	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
823	NGUYỄN KIM NGỌC NỮ	03/03/2007	Nữ	31251020175	IELTS	6	19/07/2025	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
824	PHẠM ĐĂNG MINH KHÔI	29/10/2007	Nam	31251022086	IELTS	7	15/03/2025	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
825	PHAN THỊ YẾN VY	01/05/2007	Nữ	31251023325	IELTS	6.5	28/09/2024	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
826	PHAN TRẦN KHANH	23/05/2006	Nam	31251026612	IELTS	5.5	02/11/2024	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
827	TRẦN NGUYỄN NAM PHƯƠNG	07/07/2007	Nữ	31251021182	IELTS	7	21/03/2025	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
828	VŨ NGUYỄN TRÚC LINH	29/01/2007	Nữ	31251020468	IELTS	6.5	07/12/2024	7340101_03	Quản trị bệnh viện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
829	DANG JOY CHRISTINE	15/12/2007	Nữ	31251026273	IELTS	6	18/01/2025	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
830	ĐÀO VÕ MỸ LINH	28/02/2007	Nữ	31251023348	IELTS	5	22/03/2025	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
831	ĐỖ HUỲNH ANH KIẾT	14/02/2007	Nam	31251024626	IELTS	5.5	30/11/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
832	ĐỖ THỊ HỒNG PHÚC	25/09/2007	Nữ	31251027397	IELTS	5	05/10/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
833	HÀ VÕ PHÚC HƯNG	27/02/2007	Nam	31251021316	IELTS	6	15/08/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
834	HỒ HOÀI MY	27/09/2007	Nữ	31251027107	IELTS	5	21/12/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
835	LÂM NHƯ	02/02/2007	Nữ	31251022373	IELTS	6	07/09/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
836	LÊ PHAN CẨM TÚ	02/07/2007	Nữ	31251024517	IELTS	6	21/12/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
837	LÊ TRẦN PHƯƠNG DUY	12/03/2007	Nữ	31251023850	IELTS	6.5	24/08/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
838	MAI CAO PHƯƠNG UYÊN	06/06/2007	Nữ	31251020287	IELTS	6.5	05/12/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
839	MAI ĐÀO NGUYỄN	13/06/2007	Nữ	31251024609	IELTS	5.5	15/06/2023	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
840	MAI TRIỆU GIA HÂN	03/12/2007	Nữ	31251022946	IELTS	6	17/08/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
841	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	14/05/2007	Nam	31251024514	IELTS	6	11/01/2025	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
842	NGUYỄN LÊ NA	07/10/2007	Nữ	31251026993	IELTS	6.5	14/12/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
843	NGUYỄN NGỌC Ý NHI	24/11/2007	Nữ	31251020636	IELTS	5	17/08/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
844	NGUYỄN THÁI BẢO DUY	27/12/2007	Nam	31251021119	IELTS	7	29/03/2025	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
845	NGUYỄN THỊ ĐAN LINH	26/12/2007	Nữ	31251027925	IELTS	5.5	16/11/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
846	PHẠM ANH THƯ	10/12/2007	Nữ	31251020424	IELTS	6.5	25/01/2025	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
847	PHẠM LÊ PHÚ KHÔI	26/10/2007	Nam	31251027624	IELTS	6.5	13/06/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
848	PHẠM THỊ LỆ HẰNG	10/07/2007	Nữ	31251028111	IELTS	5.5	11/01/2025	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
849	PHAN ANH DŨNG	28/12/2007	Nam	31251021118	IELTS	5.5	23/11/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
850	TRẦN BẢO THY	09/12/2007	Nữ	31251021663	IELTS	6	22/02/2025	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
851	TRẦN KHÁNH LINH	09/04/2007	Nữ	31251020539	IELTS	6.5	26/11/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
852	TRẦN PHẠM BẢO THY	07/12/2007	Nữ	31251022514	IELTS	5.5	10/10/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
853	TRẦN THANH HÀ	10/10/2007	Nữ	31251021758	IELTS	6	14/09/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
854	TRƯƠNG QUÂN BẢO	03/08/2007	Nam	31251028045	IELTS	6	20/07/2024	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
855	ĐẶNG PHƯƠNG DUNG	05/02/2007	Nữ	31251028106	IELTS	5	19/07/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
856	ĐỖ TRẦN THANH XUÂN	13/03/2007	Nữ	31251024438	IELTS	7.5	26/10/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
857	ĐOÀN THỊ THANH TRÚC	15/04/2007	Nữ	31251025505	IELTS	6	31/05/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
858	HỒ ĐÌNH ĐÔNG HẢI	26/01/2007	Nam	31251023294	IELTS	6.5	07/10/2023	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
859	HỒ NGỌC THẨM	05/10/2007	Nữ	31251025627	IELTS	6	30/08/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
860	LÂM NGUYỄN KHÁNH TRÂM	09/08/2007	Nữ	31251027215	IELTS	7	24/08/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
861	LƯƠNG VĨNH GIA HUY	03/08/2007	Nam	31251022285	IELTS	6	17/08/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
862	NGÔ THỊ MINH ÁNH	04/05/2007	Nữ	31251027732	IELTS	5.5	22/02/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
863	NGUYỄN BẢO THY	14/11/2007	Nữ	31251024600	IELTS	6	01/12/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
864	NGUYỄN HUỲNH PHÁT	07/01/2007	Nam	31251024871	TOEIC	890	22/08/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
865	NGUYỄN TẤN PHONG	31/10/2007	Nam	31251021238	IELTS	6.5	16/11/2023	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
866	NGUYỄN THỊ TRÀ THOA	10/06/2006	Nữ	31251026357	IELTS	6	30/03/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
867	NGUYỄN TRUNG HẢI	04/11/2007	Nam	31251027838	IELTS	7	26/11/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
868	NGUYỄN TUẤN KIẾT	15/05/2007	Nam	31251024313	IELTS	6.5	23/07/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
869	PHẠM THANH THẢO	02/11/2007	Nữ	31251025222	IELTS	6	23/07/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
870	PHẠM TRẦN KIM NGÂN	11/01/2007	Nữ	31251024278	IELTS	5.5	22/03/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
871	PHAN QUỐC VIỆT	09/01/2007	Nam	31251023867	IELTS	6	22/02/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
872	PHAN THỊ PHƯƠNG NHI	19/01/2007	Nữ	31251027804	IELTS	7.5	22/08/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
873	TRẦN ĐỨC TÍN	13/07/2007	Nam	31251020390	IELTS	7	22/02/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
874	TRẦN HOÀNG HIỆU	03/06/2007	Nam	31251026734	IELTS	6	19/10/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
875	TRẦN THANH THẢO	19/02/2007	Nữ	31251027543	IELTS	7	03/11/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
876	TRẦN THỊ NGỌC PHƯỢNG	03/01/2007	Nữ	31251024437	IELTS	7	05/10/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
877	TRẦN THỊ NHƯ HIỀN	05/08/2007	Nữ	31251027454	IELTS	6.5	28/09/2024	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
878	VÕ THỊ TRÚC QUỲNH	20/03/2007	Nữ	31251025612	IELTS	6	08/03/2025	7340201_07	Quản trị Hải quan – Ngoại thương	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
879	NGUYỄN NGỌC QUỲNH THƯ	08/08/2007	Nữ	31251026771	IELTS	6	30/07/2024	7810201_01	Quản trị khách sạn	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
880	PHẠM THỊ NHƯ Ý	27/07/2007	Nữ	31251023729	IELTS	6	23/12/2023	7810201_01	Quản trị khách sạn	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
881	PHÙNG ĐỖ NHẬT LINH	01/01/2007	Nữ	31251027417	IELTS	6	17/11/2024	7810201_01	Quản trị khách sạn	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
882	VÕ NGUYỄN PHƯƠNG NGHI	28/09/2007	Nữ	31251020125	IELTS	6.5	23/11/2024	7810201_01	Quản trị khách sạn	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
883	BÙI HOÀNG QUỐC PHONG	20/02/2007	Nam	31251021168	IELTS	6.5	24/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
884	BÙI KHÁNH LINH	23/10/2007	Nữ	31251028421	IELTS	6.5	06/04/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
885	BÙI LÊ LAN PHƯƠNG	16/04/2007	Nữ	31251023274	IELTS	5	13/04/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
886	BÙI QUỐC TRUNG	25/09/2007	Nam	31251023282	IELTS	6.5	13/04/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
887	BÙI THỊ NGỌC HOA	15/05/2007	Nữ	31251025294	IELTS	6.5	24/08/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
888	BÙI VĂN ANH	27/07/2006	Nữ	31251028236	IELTS	6	07/10/2023	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
889	CÔNG GIANG GIA HÂN	15/09/2007	Nữ	31251020846	IELTS	5	07/06/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
890	ĐẠI HOÀNG YẾN	24/02/2007	Nữ	31251020365	IELTS	6	23/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
891	ĐẶNG GIA HUY	09/12/2007	Nam	31251022076	IELTS	6.5	11/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
892	ĐẶNG THỊ KIỀU TRÂM	08/05/2007	Nữ	31251023406	IELTS	6.5	21/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
893	DIỆC GIA NHÌ	01/12/2007	Nữ	31251024754	IELTS	6	23/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
894	ĐINH VŨ NHẬT MINH	23/09/2007	Nữ	31251027026	IELTS	6	16/03/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
895	ĐỖ VĂN QUỲNH	28/03/2007	Nữ	31251020172	IELTS	7	18/11/2023	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
896	ĐOÀN HOA NGỌC	22/02/2007	Nữ	31251027901	IELTS	5.5	08/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
897	DƯƠNG VĂN TIẾN MINH	19/07/2007	Nam	31251023401	IELTS	6.5	26/08/2023	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
898	HỒ PHƯƠNG VIÊN	13/01/2006	Nữ	31251022134	IELTS	6.5	07/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
899	HOÀNG NGUYỄN AN KHÁNH	04/04/2007	Nữ	31251020568	IELTS	6.5	11/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
900	HUỲNH ANH THƯ	23/03/2007	Nữ	31251023158	IELTS	5.5	13/04/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
901	KIỀU ĐỖ THẢO NGHI	13/07/2007	Nữ	31251020038	IELTS	5.5	04/05/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
902	LÊ ĐIỂM NHÌ	06/06/2007	Nữ	31251020968	IELTS	6	11/05/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
903	LÊ KHÁNH HÂN	10/05/2007	Nữ	31251025065	IELTS	6	08/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
904	LÊ KIM NGÂN	07/11/2007	Nữ	31251023940	IELTS	5.5	15/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
905	LÊ MINH HIẾU	18/04/2007	Nam	31251021938	IELTS	7	14/09/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
906	LÊ NGỌC NGUYỄN PHƯƠNG	15/06/2007	Nữ	31251026378	IELTS	6	23/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
907	LÊ NGỌC PHƯƠNG LINH	17/11/2007	Nữ	31251023554	IELTS	6.5	11/07/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
908	LÊ QUANG HUY	29/05/2007	Nam	31251021700	IELTS	7	05/10/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
909	LÊ QUANG TRUNG	21/07/2007	Nam	31251023607	IELTS	6	04/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
910	LÊ THỊ NGỌC ĐIỂM	13/07/2004	Nữ	31251023770	TOEIC	550	31/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
911	LÊ THỊ THANH TÂM	27/04/2007	Nữ	31251027629	IELTS	6	14/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
912	LÊ VŨ HOÀNG BẢO	21/11/2007	Nam	31251020957	IELTS	7	21/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
913	LŨ THÁI DƯƠNG	15/06/2007	Nam	31251026158	IELTS	5.5	05/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
914	LỤC CẨM QUYỀN	29/08/2007	Nam	31251020762	IELTS	7.5	20/06/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
915	MAI CHÍ HIẾU	13/12/2007	Nam	31251025030	IELTS	6	06/07/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
916	MAI THỊ MỸ DUYỀN	16/06/2007	Nữ	31251023396	IELTS	6	26/10/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
917	NGÔ ANH QUỐC	26/03/2007	Nam	31251026609	IELTS	7	17/08/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
918	NGÔ NGỌC QUỲNH ANH	29/01/2007	Nữ	31251022132	IELTS	6	02/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
919	NGÔ NGỌC QUỲNH ANH	07/03/2007	Nữ	31251026073	IELTS	5.5	22/02/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
920	NGÔ QUỲNH ANH	08/06/2007	Nữ	31251021363	IELTS	6	09/05/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
921	NGUYỄN AN NHIÊN	14/11/2007	Nữ	31251025523	IELTS	6.5	30/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
922	NGUYỄN BẢO NGỌC	06/07/2007	Nữ	31251027912	IELTS	6	07/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
923	NGUYỄN BẢO THIÊN	12/01/2007	Nam	31251021177	IELTS	7.5	26/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
924	NGUYỄN HỒ KHÁNH NGÂN	05/03/2007	Nữ	31251021165	IELTS	6.5	30/05/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
925	NGUYỄN HOÀN NHẬT LAM	29/10/2007	Nữ	31251024196	IELTS	5.5	29/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
926	NGUYỄN HOÀNG ANH KHOA	30/05/2007	Nam	31251022725	IELTS	5.5	29/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
927	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	13/09/2007	Nam	31251022870	IELTS	5.5	23/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
928	NGUYỄN HOÀNG HẢI	02/01/2007	Nam	31251020963	IELTS	6.5	20/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
929	NGUYỄN HOÀNG KIỀU MỸ ANH	16/04/2007	Nữ	31251025733	IELTS	6.5	05/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
930	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG THẢO	01/11/2007	Nữ	31251023942	IELTS	5.5	26/05/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
931	NGUYỄN HOÀNG YẾN	17/11/2007	Nữ	31251025061	IELTS	6	02/06/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
932	NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG QUYÊN	19/11/2007	Nữ	31251025099	IELTS	6.5	28/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
933	NGUYỄN HUYNH GIA BẢO	24/12/2007	Nam	31251025446	IELTS	6	11/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
934	NGUYỄN KHÁNH BẢNG	15/08/2007	Nữ	31251026596	IELTS	6.5	22/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
935	NGUYỄN LÊ HOÀNG YẾN	21/12/2007	Nữ	31251020260	Aptis ESOL	166	09/08/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
936	NGUYỄN LÊ NGỌC HÀ	12/07/2007	Nữ	31251020034	IELTS	6.5	14/09/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
937	NGUYỄN MAI THẢO TRÂM	07/09/2007	Nữ	31251022542	IELTS	6	14/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
938	NGUYỄN MINH NGHĨA	05/09/2007	Nam	31251024369	IELTS	6	27/10/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
939	NGUYỄN NGỌC DUY KHÁNH	24/04/2007	Nam	31251020454	IELTS	6.5	05/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
940	NGUYỄN NGỌC LỆ	06/07/2007	Nữ	31251026020	IELTS	6	08/02/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
941	NGUYỄN NGỌC MAI	30/12/2007	Nữ	31251026938	IELTS	6	08/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
942	NGUYỄN NGỌC NHẢ PHƯƠNG	05/12/2007	Nữ	31251023659	IELTS	5.5	22/02/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
943	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG NHI	15/01/2007	Nữ	31251025206	IELTS	6	27/02/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
944	NGUYỄN PHAM PHƯƠNG VY	24/01/2007	Nữ	31251020573	IELTS	6	06/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
945	NGUYỄN QUỐC TUẤN	22/06/2007	Nam	31251023894	IELTS	6	05/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
946	NGUYỄN QUỲNH NHI	11/11/2007	Nữ	31251026939	IELTS	6	16/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
947	NGUYỄN TẤN LỘC	13/08/2007	Nam	31251024367	IELTS	6.5	03/08/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
948	NGUYỄN THẮNG MINH QUÂN	10/11/2007	Nam	31251021170	IELTS	6.5	17/08/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
949	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	18/04/2007	Nữ	31251026673	IELTS	6	24/08/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
950	NGUYỄN THUY DƯƠNG	13/01/2007	Nữ	31251020959	IELTS	6.5	29/09/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
951	NGUYỄN TRẦN ANH THƠ	02/10/2007	Nữ	31251024159	IELTS	5.5	14/09/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
952	PHẠM GIA HÂN	01/10/2007	Nữ	31251024567	IELTS	6.5	06/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
953	PHẠM GIA PHÚC	24/04/2007	Nam	31251021809	IELTS	6.5	06/07/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
954	PHẠM MINH TRÍ	21/07/2007	Nam	31251021534	IELTS	7	22/02/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
955	PHẠM NGUYỄN HẢI MY	03/05/2007	Nữ	31251025805	IELTS	6	27/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
956	PHẠM NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	08/11/2007	Nam	31251027824	IELTS	7	16/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
957	PHẠM NHẬT QUỲNH NHI	01/04/2007	Nữ	31251023156	IELTS	6	15/06/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
958	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	02/03/2007	Nữ	31251028227	IELTS	6	08/08/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
959	PHAN NGUYỄN KHÁNH TUYỀN	11/08/2007	Nữ	31251026148	IELTS	5.5	21/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
960	PHAN THÀNH TRUNG	01/07/2007	Nam	31251023927	IELTS	6	16/03/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
961	PHAN UYÊN NHI	15/01/2007	Nữ	31251023626	IELTS	6.5	26/10/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
962	TĂNG BỘI SAN	07/05/2007	Nữ	31251020763	IELTS	6	24/08/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
963	TRẦN BẢO CHÂU	10/01/2007	Nữ	31251027761	IELTS	6	07/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
964	TRẦN HUY HOÀNG	23/05/2007	Nam	31251025880	IELTS	6	16/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
965	TRẦN HUYỀN NHI	25/03/2005	Nữ	31251027991	IELTS	6.5	15/05/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
966	TRẦN MAI HƯƠNG	22/02/2007	Nữ	31251026484	IELTS	6	27/07/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
967	TRẦN MỸ KIM	15/01/2007	Nữ	31251020357	IELTS	5.5	06/04/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
968	TRẦN MỸ MỸ	15/01/2007	Nữ	31251020359	IELTS	5	06/04/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
969	TRẦN NGỌC BẢO TRẦN	21/12/2007	Nữ	31251025809	IELTS	6	03/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
970	TRẦN NGỌC DIỄM TIỀN	13/10/2007	Nữ	31251024218	IELTS	5.5	08/06/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
971	TRẦN NGỌC TƯỜNG VY	11/07/2003	Nữ	31251024548	IELTS	6.5	28/06/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
972	TRẦN NGUYỄN HỒNG HẠNH	06/03/2007	Nữ	31251020565	IELTS	6.5	07/07/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
973	TRẦN NHẬT MINH KHÔI	08/12/2007	Nam	31251027335	IELTS	6	19/10/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
974	TRỊNH KỶ CHÂU	13/11/2007	Nữ	31251023553	IELTS	6	30/11/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
975	TRƯƠNG KIM HOÀN	10/12/2007	Nữ	31251021367	IELTS	6	29/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
976	TRƯƠNG THẢO LY	15/03/2007	Nữ	31251027066	IELTS	5.5	16/01/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
977	TRƯƠNG TRẦN ANH KHOA	23/03/2007	Nam	31251021369	IELTS	6.5	18/05/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
978	VÕ NGỌC MINH THƯ	03/04/2007	Nữ	31251022208	IELTS	6.5	14/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
979	VŨ LÊ KHÁNH LINH	08/04/2007	Nữ	31251024366	IELTS	6.5	24/07/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
980	VŨ QUỲNH HƯƠNG	20/01/2007	Nữ	31251027025	IELTS	6.5	16/03/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
981	VŨ YẾN NHI	31/07/2007	Nữ	31251026940	IELTS	5	27/12/2024	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
982	Y MINH NIỀ	12/02/2007	Nam	31251026375	IELTS	7.5	26/04/2025	7340101_01	Quản trị kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
983	BÙI NHẬT TUẤN	08/01/2000	Nam	31251023487	IELTS	7	05/07/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
984	ĐÀO HỒNG NGỌC	11/02/2007	Nữ	31251020219	IELTS	6	25/12/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
985	DIỆP GIA NGHI	17/09/2007	Nữ	31251025414	IELTS	6.5	23/11/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
986	ĐỖ PHƯƠNG LINH	08/02/2007	Nữ	31251027879	IELTS	5	31/05/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
987	ĐỖ TRẦN ĐĂNG KHOA	08/06/2007	Nam	31251023843	IELTS	6	22/02/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
988	DƯƠNG NGỌC KHÁNH NHI	03/01/2007	Nữ	31251021077	IELTS	5.5	28/12/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
989	LÊ NGỌC MINH THƯ	21/02/2007	Nữ	31251022324	IELTS	7	07/12/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
990	LƯƠNG NGỌC DIỄM TRÂM	29/12/2007	Nữ	31251024726	IELTS	6	21/09/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
991	LƯU PHƯƠNG THỦY	02/04/2007	Nữ	31251028031	IELTS	7	28/09/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
992	MAI NGỌC HOAN	02/04/2007	Nữ	31251023270	IELTS	5.5	22/06/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
993	NGÔ NHƯ THẢO	27/07/2007	Nữ	31251023211	IELTS	7.5	27/07/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
994	NGUYỄN CAO ĐỒNG GIANG	25/04/2007	Nữ	31251022321	IELTS	5.5	11/08/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
995	NGUYỄN HỒ ANH KHA	15/06/2007	Nam	31251026514	IELTS	6.5	24/08/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
996	NGUYỄN HỒNG ĐAN THANH	04/11/2007	Nữ	31251021078	IELTS	5.5	09/07/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
997	NGUYỄN HUYỀN THƯ	03/03/2007	Nữ	31251027101	IELTS	6	11/01/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
998	NGUYỄN LẠI ANH THƯ	21/08/2007	Nữ	31251028197	IELTS	6	17/11/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
999	NGUYỄN NGỌC MINH KHUÊ	16/06/2007	Nữ	31251026010	IELTS	5.5	07/06/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1000	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	12/10/2007	Nữ	31251025306	IELTS	5	07/03/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1001	NGUYỄN QUÝ THẮNG	08/07/2007	Nam	31251021079	IELTS	7.5	30/06/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1002	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	29/07/2007	Nữ	31251023486	IELTS	6.5	16/11/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1003	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	20/10/2007	Nữ	31251023681	IELTS	6.5	17/08/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1004	NGUYỄN THỊ THANH LAM	16/10/2007	Nữ	31251024677	IELTS	7	30/11/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1005	NGUYỄN THỊ YẾN TRINH	25/02/2007	Nữ	31251023613	IELTS	6.5	05/12/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1006	NHAN NGUYỄN HỒNG ÁNH	30/11/2007	Nữ	31251020106	IELTS	5.5	17/08/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1007	PHẠM ĐÌNH HOÀNG YẾN	04/12/2007	Nữ	31251022579	IELTS	5	08/06/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1008	PHẠM LÊ NHƯ	04/10/2007	Nữ	31251022114	IELTS	6	19/10/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1009	PHẠM NGỌC THỦY TIẾN	02/11/2007	Nữ	31251023683	IELTS	6.5	08/06/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1010	PHẠM NGUYỄN BẢO CHÂU	15/04/2007	Nữ	31251027232	IELTS	6.5	21/12/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1011	PHẠM PHƯƠNG ANH	14/05/2007	Nữ	31251023480	IELTS	7	08/03/2025	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1012	PHAN THẢO NGÂN	06/03/2007	Nữ	31251023222	IELTS	6.5	01/12/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1013	TRẦN ĐỨC THỊNH	06/03/2007	Nam	31251022933	IELTS	6.5	17/08/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1014	TRẦN MINH THY	24/11/2007	Nữ	31251022325	IELTS	7	02/07/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1015	TRẦN VĂN TRUNG	30/12/2007	Nam	31251023720	IELTS	6	08/06/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1016	VŨ NGỌC PHƯƠNG UYÊN	11/07/2007	Nữ	31251021082	IELTS	6	17/08/2024	7340404	Quản trị nhân lực	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1017	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	03/01/2007	Nữ	31251021665	IELTS	6.5	16/11/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1018	CHÂU HẢI MY	25/12/2007	Nữ	31251021904	IELTS	7	29/04/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1019	DƯƠNG NAM PHƯƠNG	19/05/2007	Nữ	31251022377	IELTS	7	14/12/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1020	HUỲNH MAI PHƯƠNG	25/12/2007	Nữ	31251026997	IELTS	7	14/12/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1021	LÊ TUỖNG DUY	12/10/2007	Nam	31251024122	IELTS	6	26/10/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1022	MAI PHƯƠNG THÚY	30/05/2007	Nữ	31251022720	IELTS	6.5	29/03/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1023	NGUYỄN DUY PHÁT	04/05/2007	Nam	31251020342	IELTS	8	24/11/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1024	NGUYỄN GIA HIẾM	21/06/2007	Nam	31251024182	IELTS	6.5	08/02/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1025	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH CHI	04/12/2007	Nữ	31251024522	IELTS	6.5	14/09/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1026	NGUYỄN HỒNG KHÁNH HẠ	19/01/2007	Nữ	31251023524	IELTS	6.5	07/09/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1027	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	18/08/2007	Nữ	31251028206	IELTS	7.5	18/11/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1028	NGUYỄN MINH TRẦN	26/04/2007	Nữ	31251024899	IELTS	6.5	25/05/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1029	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	23/12/2007	Nữ	31251021124	IELTS	6.5	22/02/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1030	NGUYỄN NGỌC THẢO NHƯ	01/03/2007	Nữ	31251024080	IELTS	6	27/04/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1031	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	29/03/2007	Nam	31251025244	IELTS	6.5	26/10/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1032	NGUYỄN TRUNG NHÂN	07/01/2007	Nam	31251022719	IELTS	6	25/05/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1033	PHẠM LÊ ANNA	09/01/2007	Nữ	31251026653	IELTS	6	14/12/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1034	PHẠM LÊ NGỌC YẾN NHI	16/01/2007	Nữ	31251022741	IELTS	5.5	03/05/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1035	PHẠM PHƯƠNG HIỀN	29/04/2007	Nữ	31251027193	IELTS	6	15/12/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
1036	THÁI HỒNG ANH	06/02/2007	Nữ	31251028095	IELTS	6.5	05/10/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1037	TRẦN PHÚ HIẾN	22/12/2007	Nam	31251022949	IELTS	6	24/08/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1038	TRẦN XUÂN NGHI	01/01/2007	Nữ	31251024824	IELTS	6	28/12/2024	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1039	TỪ BỘI NHI	16/10/2007	Nữ	31251020822	IELTS	6	11/04/2025	7810201_02	Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1040	LÊ NGUYỄN ANH KHOA	14/02/2007	Nam	31251025754	IELTS	5.5	24/08/2024	7480107_01	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1041	NGUYỄN THỊ MINH THU	17/05/2007	Nữ	31251022940	IELTS	6.5	27/04/2025	7480107_01	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1042	PHẠM THỊ THANH BÌNH	30/01/2006	Nữ	31251025237	IELTS	6	07/10/2023	7480107_01	Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1043	BÙI NGUYỄN GIA BẢO	10/12/2007	Nam	31251027353	IELTS	5.5	19/12/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1044	CAO GIA TÍNH	14/11/2007	Nam	31251024171	IELTS	6	30/11/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1045	CAO MINH HOÀNG	06/05/2007	Nam	31251025746	IELTS	7	15/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1046	CAO TƯỜNG VY	26/12/2006	Nữ	31251026853	IELTS	6	25/07/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1047	ĐINH HỮU TRUNG KIẾN	21/04/2007	Nam	31251027291	IELTS	5.5	08/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1048	ĐỖ NGUYỄN MINH NHƯ	20/11/2007	Nữ	31251023190	IELTS	5	22/06/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1049	ĐỖ THỊ HỒNG LAM	03/01/2007	Nữ	31251025219	IELTS	7	07/09/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1050	ĐỖ TÙNG LINH	13/02/2007	Nữ	31251026968	IELTS	7	14/12/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1051	ĐOÀN NGUYỄN CẨM TÚ	22/03/2007	Nữ	31251026407	IELTS	6.5	10/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1052	DƯƠNG LÊ TRUNG TÍN	04/06/2007	Nam	31251021234	IELTS	7	01/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1053	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	11/05/2007	Nữ	31251023609	IELTS	6.5	09/03/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1054	HỒ NGỌC AN BÌNH	26/10/2007	Nữ	31251027877	IELTS	6	30/11/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1055	HỒ NGỌC QUỲNH NHI	20/12/2007	Nữ	31251023635	IELTS	6	26/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1056	HỒ TRẦN VĂN ANH	14/07/2007	Nữ	31251026233	IELTS	6.5	08/02/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1057	HOÀNG KHÁNH VY	25/09/2007	Nữ	31251021726	IELTS	7	25/01/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1058	HỨA LONG ĐÌNH	06/11/2007	Nam	31251023781	IELTS	6.5	20/07/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1059	HUỲNH BÁ ANH TUẤN	09/08/2007	Nam	31251027640	IELTS	6	10/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1060	HUỲNH HƯƠNG THẢO	27/05/2007	Nữ	31251024639	IELTS	6	16/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1061	HUỲNH THY THY	04/01/2007	Nữ	31251021414	IELTS	6	13/04/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1062	HUỲNH TRUNG THỊNH THUẦN	19/09/2007	Nam	31251024204	IELTS	6	08/02/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1063	KIỀU KHÁNH LINH	14/01/2006	Nữ	31251026403	IELTS	6.5	28/12/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1064	LÊ ANH THY	22/01/2007	Nữ	31251026919	IELTS	5	22/02/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1065	LÊ ĐẶNG NHƯ Ý	13/01/2007	Nữ	31251023610	IELTS	6.5	24/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1066	LÊ HOÀNG XUÂN NGUYỄN	06/11/2007	Nữ	31251021029	IELTS	7.5	19/01/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1067	LÊ HỒNG PHÚC	16/12/2007	Nữ	31251027622	IELTS	6.5	17/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1068	LÊ HƯƠNG TRÀ	11/11/2006	Nữ	31251026789	IELTS	6	29/05/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1069	LÊ HUỲNH NGỌC DIỆP	17/11/2007	Nữ	31251020072	IELTS	7	18/11/2023	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1070	LÊ NGUYỄN THANH THẢO	19/03/2007	Nữ	31251027885	IELTS	7.5	19/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1071	LÊ NGUYỄN TRẢ GIANG	23/01/2007	Nữ	31251022561	IELTS	6.5	07/12/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1072	LÊ QUỲNH ANH	19/01/2007	Nữ	31251027904	IELTS	6	28/09/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1073	NGUYỄN ANH THU	05/12/2007	Nữ	31251022143	IELTS	7	08/02/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1074	NGUYỄN CÔNG TÂN	29/04/2007	Nam	31251027413	IELTS	6	29/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1075	NGUYỄN HÀ NHƯ QUỲNH	22/11/2007	Nữ	31251021031	IELTS	7	23/11/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1076	NGUYỄN HẢI MINH	14/06/2007	Nữ	31251028220	IELTS	7	25/05/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1077	NGUYỄN HẠNH DUNG	31/10/2007	Nữ	31251027290	IELTS	5.5	17/05/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1078	NGUYỄN HIẾU THUẬN	01/09/2007	Nam	31251020201	IELTS	5.5	12/04/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1079	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG ANH	27/11/2007	Nữ	31251025764	IELTS	6	05/04/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1080	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	10/08/2007	Nam	31251027270	IELTS	7.5	16/11/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1081	NGUYỄN LÊ ĐỖ QUYÊN	12/05/2006	Nữ	31251021030	IELTS	6	23/07/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1082	NGUYỄN LÊ HẢI SƠN	20/04/2007	Nam	31251021032	IELTS	6.5	30/06/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1083	NGUYỄN MAI PHƯƠNG VY	22/11/2007	Nữ	31251026409	IELTS	6	19/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1084	NGUYỄN MINH ANH	29/01/2007	Nữ	31251023593	IELTS	5.5	23/11/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1085	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	20/04/2007	Nữ	31251020598	IELTS	6.5	23/11/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1086	NGUYỄN NGỌC LAN	10/02/2007	Nữ	31251020198	IELTS	7.5	08/09/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1087	NGUYỄN NGỌC NHUNG	13/10/2007	Nữ	31251020880	IELTS	5.5	06/06/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
1088	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	25/12/2007	Nữ	31251025402	IELTS	6.5	26/04/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1089	NGUYỄN NGỌC TÂM ĐOÀN	20/11/2007	Nữ	31251025824	IELTS	6	08/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1090	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	04/04/2007	Nữ	31251020194	IELTS	6.5	08/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1091	NGUYỄN TẤN TOÀN	25/04/2007	Nam	31251025405	IELTS	7	03/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1092	NGUYỄN THANH HÀ	08/02/2007	Nữ	31251021222	IELTS	5.5	24/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1093	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	01/10/2007	Nữ	31251025344	IELTS	6.5	14/09/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1094	NGUYỄN THỊ THANH NHÂN	28/01/2007	Nữ	31251022142	IELTS	6	26/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1095	NGUYỄN TRẦN BẢO CHÂU	18/01/2007	Nữ	31251024151	IELTS	5.5	13/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1096	NGUYỄN TRẦN MINH ANH	30/10/2007	Nữ	31251020683	IELTS	7	02/04/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1097	NGUYỄN TRẦN QUỲNH HOA	12/03/2007	Nữ	31251024719	IELTS	5.5	24/03/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1098	NGUYỄN TRỌNG NHỰT	28/10/2007	Nam	31251022715	IELTS	6	29/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1099	PHẠM ĐỖ ANH QUÂN	07/05/2007	Nam	31251020601	IELTS	6.5	02/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1100	PHẠM MINH KHÔI	17/04/2007	Nam	31251020197	IELTS	7.5	14/12/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1101	PHẠM NGỌC ANH	10/12/2007	Nữ	31251023292	IELTS	7	10/12/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1102	PHẠM NHẬT THANH	24/11/2007	Nữ	31251023966	IELTS	6.5	29/04/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1103	PHẠM THÁI PHÁT	16/05/2006	Nam	31251023191	IELTS	5.5	15/06/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1104	PHẠM THỊ MỸ DUYỀN	23/09/2007	Nữ	31251021837	IELTS	6	10/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1105	PHẠM THỊ NGỌC TRÂM	22/12/2007	Nữ	31251024667	IELTS	6.5	15/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1106	PHẠM THỊ THU NGÂN	17/08/2007	Nữ	31251027969	IELTS	5.5	24/05/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1107	PHAN HOÀNG VÂN KHÁNH	09/02/2006	Nữ	31251028015	IELTS	7	19/07/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1108	PHAN NGUYỄN HỒNG ANH	27/07/2007	Nữ	31251021576	IELTS	6.5	28/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1109	PHAN THỊ MINH THƯ	17/01/2007	Nữ	31251024432	IELTS	6.5	03/05/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1110	THÁI HOÀNG QUYẾN	07/02/2007	Nữ	31251021975	IELTS	6.5	27/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1111	THÁI QUỐC TÀI	06/12/2007	Nam	31251025616	IELTS	7	06/03/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1112	TRẦN DƯƠNG PHƯƠNG ANH	07/06/2007	Nữ	31251028347	IELTS	6	31/08/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1113	TRẦN HẢI NAM	07/02/2007	Nam	31251027837	IELTS	6	28/09/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1114	TRẦN LÊ HẢI ANH	03/07/2007	Nữ	31251020012	IELTS	6.5	19/10/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1115	TRẦN NGÂN GIANG	02/01/2007	Nữ	31251026510	IELTS	6	13/07/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1116	TRẦN NGỌC HÂN	07/07/2007	Nữ	31251024311	IELTS	6.5	14/12/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1117	TRẦN NHẬT NAM	29/04/2005	Nam	31251024666	IELTS	7.5	27/06/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1118	TRẦN QUỐC TUẤN	09/09/2007	Nam	31251023335	IELTS	5.5	08/09/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1119	TRẦN TRỌNG VIỆT HƯNG	07/09/2007	Nam	31251028212	IELTS	7	27/07/2024	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1120	TRƯƠNG LÊ PHƯƠNG LINH	04/12/2007	Nữ	31251025483	IELTS	5.5	11/01/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1121	TỪ BẢO NHƯ	18/02/2007	Nữ	31251020688	IELTS	5.5	04/01/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1122	VÕ LÊ THÙY TRÂM	20/07/2007	Nữ	31251027690	IELTS	6	25/01/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1123	VÕ NGỌC CÁT TƯỜNG	16/05/2007	Nữ	31251023449	IELTS	6.5	08/02/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1124	VŨ LƯƠNG MAI THY	02/11/2007	Nữ	31251021233	IELTS	6	30/04/2025	7340201_05	Tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1125	LÊ TRẦN NHÃ UYÊN	26/04/2007	Nữ	31251027231	IELTS	6.5	07/11/2024	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1126	NGUYỄN LÂM THẢO VY	21/05/2007	Nữ	31251021213	IELTS	7	29/07/2024	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1127	NGUYỄN NGỌC MỸ DUYỀN	30/03/2007	Nữ	31251020065	IELTS	7	09/12/2023	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1128	NGUYỄN NGỌC TRÚC ANH	05/02/2007	Nữ	31251021212	IELTS	6	05/09/2025	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1129	PHAN NGỌC ANH THƯ	20/05/2007	Nữ	31251020872	IELTS	5.5	22/02/2025	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1130	TRẦN HOÀNG MINH NGỌC	16/06/2007	Nữ	31251020264	IELTS	5	12/04/2025	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1131	TRƯƠNG MINH THƯ	24/06/2007	Nữ	31251024974	IELTS	7.5	08/03/2025	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1132	VÕ NGUYỄN BÌNH YẾN	14/10/2007	Nữ	31251026962	IELTS	6	08/03/2025	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1133	VŨ KHÁNH LINH	13/07/2007	Nữ	31251023433	IELTS	5.5	07/09/2024	7340201_01	Tài chính công	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1134	BÙI NỮ THẢO CHÂU	05/04/2007	Nữ	31251027167	IELTS	6	21/12/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1135	ĐẶNG TRẦN PHƯƠNG VY	15/10/2007	Nữ	31251022504	IELTS	7.5	26/08/2023	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1136	ĐỖ NGUYỆT CÁT	23/02/2007	Nữ	31251027217	IELTS	7	25/01/2025	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1137	MẠNH KỶ YV	11/02/2007	Nữ	31251026580	IELTS	6	27/07/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1138	NGÔ HOÀNG HẢI	25/11/2007	Nam	31251025409	IELTS	7	22/06/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1139	NGUYỄN ANH NGỌC	05/01/2007	Nữ	31251024872	IELTS	6.5	23/05/2025	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
1140	NGUYỄN HỒNG HÀ	21/04/2007	Nữ	31251026736	IELTS	6	14/12/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1141	NGUYỄN LÊ MINH PHÁT	08/10/2007	Nam	31251026244	IELTS	5.5	08/03/2025	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1142	NGUYỄN LÊ THÚY QUỲNH	19/03/2007	Nữ	31251023968	IELTS	7	14/12/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1143	NGUYỄN NGỌC VÂN TRANG	14/08/2007	Nữ	31251023678	IELTS	6.5	08/03/2025	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1144	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	15/01/2007	Nữ	31251026697	IELTS	7	06/10/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1145	TRẦN GIA PHÚC	02/10/2007	Nữ	31251020513	IELTS	7	01/09/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1146	TRẦN KHÁNH GIANG	29/04/2007	Nữ	31251024444	IELTS	7.5	30/11/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1147	TRẦN NGỌC HÂN	04/09/2007	Nữ	31251023967	IELTS	7	07/09/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1148	TRỊNH LÊ PHƯƠNG HÀ	30/01/2007	Nữ	31251021246	IELTS	7.5	29/12/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1149	VŨ LÊ MINH NHẬT	10/10/2007	Nam	31251028285	IELTS	6.5	16/03/2024	7340206	Tài chính quốc tế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1150	ĐẶNG THÚY HÀ	14/01/2007	Nữ	31251026708	IELTS	6	14/12/2024	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1151	ĐỖ NGỌC QUỲNH ANH	06/10/2007	Nữ	31251023657	IELTS	5.5	28/02/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1152	ĐỖ XUÂN QUỲNH	19/04/2007	Nữ	31251024777	IELTS	5.5	19/07/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1153	DƯƠNG MỸ NHÂN	13/03/2006	Nữ	31251025664	IELTS	5	25/05/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1154	LÊ ĐỨC HUY	17/12/2007	Nam	31251023319	IELTS	5.5	18/07/2024	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1155	LÊ PHƯỚC LINH CHI	22/06/2007	Nữ	31251027736	IELTS	5	22/03/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1156	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	02/02/2007	Nam	31251020352	IELTS	5	24/02/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1157	NGUYỄN MINH TÂM	10/08/2007	Nam	31251022609	IELTS	6	23/10/2024	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1158	NGUYỄN THỊ KIỀU VY	29/08/2007	Nữ	31251024778	IELTS	5	19/07/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1159	PHẠM QUANG KHẢI	16/06/2007	Nam	31251022443	IELTS	6	22/02/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1160	PHAN BÙI MINH HUY	19/04/2007	Nam	31251021151	IELTS	5.5	10/11/2024	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1161	VŨ QUỲNH CHI	05/10/2007	Nữ	31251026208	IELTS	6	17/07/2025	7310104_02	Thẩm định giá và quản trị tài sản	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1162	DƯƠNG QUỲNH ANH	08/07/2007	Nữ	31251024421	IELTS	5.5	19/10/2024	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1163	LÊ ĐĂNG MAI PHƯƠNG	27/01/2007	Nữ	31251022263	IELTS	6.5	11/07/2025	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1164	LÊ KHÁNH TRẦN	18/06/2007	Nữ	31251026231	IELTS	6.5	07/12/2024	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1165	LÊ THỊ NGỌC ĐIỆP	28/03/2007	Nữ	31251022258	IELTS	6.5	16/11/2024	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1166	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH TRÚC	03/01/2007	Nữ	31251025908	IELTS	5	22/03/2025	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1167	NGUYỄN DƯƠNG THÀNH	02/12/2007	Nam	31251022098	IELTS	5	03/08/2024	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1168	NGUYỄN NINH	01/12/2007	Nam	31251025039	IELTS	7.5	05/07/2025	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1169	NGUYỄN THỊ QUỲNH MAI	04/12/2007	Nữ	31251022260	IELTS	6	12/10/2023	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1170	PHẠM ĐỨC TUẤN	27/10/2007	Nam	31251026400	IELTS	6.5	19/10/2024	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1171	TRẦN HƯƠNG NGỌC HÂN	22/04/2007	Nữ	31251021972	IELTS	6	08/06/2024	7340201_04	Thị trường chứng khoán	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1172	HUỲNH THỊ KIM HIỀN	02/03/2007	Nữ	31251023622	IELTS	5.5	22/06/2024	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1173	LÊ NGỌC ĐIỂM	28/11/2007	Nữ	31251020840	IELTS	6	23/07/2025	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1174	LÊ THỊ NHÂN HÒA	18/03/2007	Nữ	31251026370	IELTS	5.5	17/08/2024	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1175	NGUYỄN HỮU TOÀN	13/06/2007	Nam	31251026534	IELTS	7	21/07/2025	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1176	NGUYỄN NHỰT THẮNG	14/03/2007	Nam	31251023860	IELTS	6.5	08/02/2025	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1177	NGUYỄN TẤT THÀNH	13/11/2007	Nam	31251020841	IELTS	6.5	11/03/2025	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1178	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	16/04/2007	Nữ	31251023365	IELTS	6.5	15/06/2024	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1179	PHẠM THANH HÀ	21/10/2007	Nữ	31251023148	IELTS	7	24/08/2025	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1180	TRẦN ĐẮC GIÁNG NGỌC	28/12/2007	Nữ	31251026606	IELTS	6.5	16/11/2024	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1181	TRƯƠNG VIỆT ANH QUÂN	25/06/2007	Nam	31251020947	IELTS	7.5	10/10/2024	7310107	Thống kê kinh doanh	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1182	HOÀNG THẢO AN	11/04/2007	Nữ	31251022901	IELTS	5	18/08/2025	7340201_02	Thuế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1183	HUỲNH NGỌC GIA NGHI	13/01/2007	Nữ	31251021404	IELTS	6.5	18/07/2025	7340201_02	Thuế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1184	NGUYỄN MINH CHÂU	24/10/2007	Nữ	31251026394	IELTS	6	13/06/2024	7340201_02	Thuế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1185	NGUYỄN NGỌC THANH HÀ	02/05/2007	Nữ	31251020191	IELTS	6	29/04/2025	7340201_02	Thuế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1186	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	18/05/2006	Nữ	31251024417	IELTS	5	13/04/2024	7340201_02	Thuế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1187	NGUYỄN TIẾN DŨNG	30/12/2006	Nam	31251022247	IELTS	6	23/03/2024	7340201_02	Thuế	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1188	BÙI LÊ ANH	26/04/2007	Nữ	31251021403	IELTS	6	13/07/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1189	BÙI LÊ QUANG HUY	31/10/2006	Nam	31251020672	IELTS	7	31/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1190	BÙI THỊ HÀ LINH	09/05/2007	Nữ	31251028091	IELTS	5	14/06/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1191	BÙI TRỊNH ĐIỂM ANH	05/07/2007	Nữ	31251023323	IELTS	7	27/07/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
1192	ĐOÀN PHAN ANH HÀO	05/10/2007	Nam	31251025113	IELTS	6.5	28/12/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1193	HẠ THUYẾT NGÂN	25/02/2007	Nữ	31251025477	IELTS	5.5	03/03/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1194	HỒ QUANG HƯNG	24/01/2007	Nam	31251028337	IELTS	6.5	25/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1195	HOÀNG NỮ VÂN KHÁNH	06/12/2007	Nữ	31251026226	IELTS	6.5	17/08/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1196	HUỖNH VĨNH QUYỀN	07/12/2007	Nam	31251020779	IELTS	7	21/07/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1197	KHOA PHƯƠNG ANH	13/04/2007	Nữ	31251028230	IELTS	6	22/02/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1198	LÂM HÀ GIANG	01/12/2007	Nữ	31251026579	IELTS	6	17/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1199	LÊ HOÀNG ANH KHOA	26/10/2007	Nam	31251021967	IELTS	6	25/05/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1200	LÊ NGỌC ÁI NHI	03/11/2007	Nữ	31251021211	IELTS	7	10/11/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1201	LÊ THỊ THU TRANG	29/10/2007	Nữ	31251027963	IELTS	6.5	28/12/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1202	LÊ THUỶ HOÀI AN	08/08/2007	Nữ	31251026077	IELTS	6	06/02/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1203	LÊ TRẦN BẢO NGHI	14/04/2007	Nữ	31251024972	IELTS	7	04/11/2023	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1204	LƯƠNG THANH THẢO	17/04/2007	Nữ	31251023432	IELTS	6.5	30/11/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1205	MAI KIM NGÂN	09/05/2007	Nữ	31251024090	IELTS	6	15/03/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1206	NGUYỄN BẠCH VY	10/11/2007	Nữ	31251023708	IELTS	6.5	19/09/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1207	NGUYỄN HOÀNG TÚ ANH	28/05/2007	Nữ	31251024118	IELTS	6.5	03/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1208	NGUYỄN KHÁNH HẪ	04/09/2007	Nữ	31251020671	IELTS	7	18/07/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1209	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	01/01/2007	Nữ	31251025322	IELTS	6	17/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1210	NGUYỄN KHÁNH LINH	27/04/2007	Nữ	31251025817	IELTS	7	30/11/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1211	NGUYỄN LÊ NHẬT ANH	08/11/2007	Nữ	31251020189	IELTS	6.5	25/01/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1212	NGUYỄN MINH THƯ	03/05/2007	Nữ	31251027157	IELTS	7	08/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1213	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	08/12/2007	Nữ	31251022094	IELTS	6	13/06/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1214	NGUYỄN THÁI HUY	02/09/2007	Nam	31251027156	IELTS	6.5	07/12/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1215	NGUYỄN THANH TRÚC QUỲNH	31/05/2007	Nữ	31251022747	IELTS	7	28/02/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1216	NGUYỄN THỊ LÂM OANH	11/05/2007	Nữ	31251027790	IELTS	5.5	07/12/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1217	NGUYỄN THUY DUYỀN	26/06/2007	Nữ	31251027116	IELTS	6.5	13/02/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1218	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	02/01/2007	Nữ	31251026000	IELTS	6.5	14/07/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1219	NGUYỄN TRƯỜNG HẢO	15/11/2007	Nam	31251027350	IELTS	7.5	20/07/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1220	NGUYỄN VĂN AN	21/06/2007	Nam	31251028009	IELTS	6	26/10/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1221	PHAN LÊ TÚ YẾN	02/03/2007	Nữ	31251027832	IELTS	6.5	22/06/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1222	TRẦN HOÀNG LAM	16/02/2007	Nữ	31251022899	IELTS	8	17/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1223	TRẦN LINH ĐAN	02/12/2007	Nữ	31251021562	IELTS	7	27/07/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1224	TRẦN NGUYỄN GIA HÂN	26/12/2007	Nữ	31251023184	IELTS	6	22/06/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1225	TRẦN TRIỀU KHẢ NHI	04/02/2007	Nữ	31251027716	IELTS	5.5	03/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1226	TRỊNH PHƯƠNG HOÀNG KỶ	11/06/2007	Nam	31251020673	TOEIC	895	15/08/2025	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1227	VÂN THỊ TÚ ANH	29/12/2007	Nữ	31251027801	IELTS	7	14/12/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1228	VÕ NGỌC TRÚC DUY	29/01/2007	Nữ	31251024937	IELTS	7	08/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1229	VÕ THANH THẢO	06/08/2007	Nữ	31251027791	IELTS	6.5	14/12/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1230	VŨ NGUYỄN ĐỨC HẢI	01/01/2007	Nam	31251023355	IELTS	7.5	17/08/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1231	VƯƠNG THỰC LAN	03/04/2007	Nữ	31251022558	IELTS	6.5	23/11/2024	7340122	Thương mại điện tử	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1232	BÙI NGUYỄN KHÁNH DUY	06/12/2007	Nam	31251022862	IELTS	5	03/03/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1233	ĐỖ MINH HIẾU	01/10/2007	Nam	31251025572	IELTS	6	13/06/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1234	LÊ THỊ KIỀU MI	28/08/2006	Nữ	31251021931	IELTS	5.5	30/07/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1235	NGUYỄN HOÀNG HUY	07/01/2005	Nam	31251020028	IELTS	6	15/07/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1236	NGUYỄN THỊ YẾN PHƯƠNG	22/07/2007	Nữ	31251022071	IELTS	5.5	13/06/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1237	PHẠM VŨ HƯƠNG LY	05/10/2007	Nữ	31251021514	IELTS	5.5	22/04/2025	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1238	PHAN TUẤN DƯƠNG	16/09/2003	Nam	31251028408	IELTS	8	11/01/2025	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1239	TRẦN NGỌC UYÊN NHƯ	18/12/2007	Nữ	31251024345	IELTS	5.5	22/06/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1240	TRƯƠNG THUY TRANG	14/03/2007	Nữ	31251027462	IELTS	7	22/06/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1241	VÕ LÊ VÂN THUY	10/07/2007	Nữ	31251027874	IELTS	5	16/11/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1242	VÕ NGỌC NHƯ QUỲNH	26/05/2007	Nữ	31251021360	IELTS	6	17/08/2024	7310108_01	Toán tài chính	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1243	CAO NGUYỄN PHÚC AN	19/05/2007	Nam	31251022866	IELTS	6	17/08/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	MSSV	Tên chứng chỉ	Điểm chứng chỉ	Ngày thi CCQT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chuyên ngành	Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh
1244	CAO NGUYỄN THỤC QUYÊN	22/02/2007	Nữ	31251027982	IELTS	6.5	21/12/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1245	ĐẶNG NGUYỄN ĐAN THƠ	17/07/2007	Nữ	31251026210	IELTS	7.5	28/09/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1246	LÊ NGUYỄN GIA NGÂN	03/11/2007	Nữ	31251026578	IELTS	7.5	24/08/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1247	LƯU HẢI LÂM	10/04/2007	Nữ	31251020303	IELTS	7	19/07/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1248	NGÔ GIA MỸ	22/05/2007	Nữ	31251023798	IELTS	5.5	28/04/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1249	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG BÌNH	22/10/2007	Nữ	31251023151	IELTS	6.5	29/03/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1250	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	29/12/2007	Nam	31251020656	IELTS	6.5	22/12/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1251	NGUYỄN HUỲNH MINH KHANG	15/02/2007	Nam	31251023392	IELTS	6.5	05/10/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1252	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	13/08/2007	Nữ	31251025732	IELTS	7	19/04/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1253	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	16/03/2007	Nữ	31251023393	IELTS	7.5	05/10/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1254	NGUYỄN NGỌC KHÁNH AN	27/05/2007	Nữ	31251020563	IELTS	7.5	16/06/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1255	NGUYỄN PHẠM THẢO MY	30/10/2007	Nữ	31251026934	IELTS	6.5	14/12/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1256	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	09/10/2007	Nữ	31251027910	IELTS	6.5	08/02/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1257	NGUYỄN THUY DƯƠNG	24/04/2007	Nữ	31251027278	IELTS	7.5	10/07/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1258	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	31/07/2006	Nữ	31251027528	IELTS	7	25/05/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1259	NGUYỄN TRUNG ÂN	30/07/2007	Nam	31251027571	IELTS	6	25/01/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1260	NGUYỄN VÕ HOÀN HẢO	27/10/2007	Nam	31251023004	IELTS	7	17/08/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1261	PHẠM NGUYỄN YẾN HÂN	17/09/2007	Nữ	31251020655	IELTS	7.5	13/02/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1262	PHAN KIM NGỌC	14/05/2007	Nữ	31251025801	IELTS	7.5	24/02/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1263	TRẦN THANH TÂM	18/12/2007	Nữ	31251026608	IELTS	7	24/08/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1264	VÕ ĐỨC THỊNH	01/01/2007	Nam	31251022869	IELTS	6	06/12/2024	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt
1265	VÕ THỊ TRANG PHƯƠNG	22/07/2007	Nữ	31251025055	IELTS	6.5	18/07/2025	7320106	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện	Chương trình Tiếng Việt	Đạt